

Số: **86** /TB-UBND

Hà Nam, ngày **17** tháng 10 năm 2018

THÔNG BÁO

**Công khai tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán
ngân sách địa phương từ năm 2016 trở về trước**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Công văn số 633/KV-TH ngày 06/7/2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực I về việc gửi Báo cáo kiểm tra thực hiện kiến nghị kiểm toán;

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam thông báo công khai tình hình thực hiện thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 đến thời điểm 30/6/2018, cụ thể như sau:

A. Các văn bản triển khai thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đã có Công văn số 3178/UBND-KT ngày 03/11/2017 về việc triển khai kế hoạch thực hiện Kết luận của kiểm toán NSDP năm 2016 tại tỉnh Hà Nam.

- Sở Tài chính có Kế hoạch số 2617/KH-STC ngày 20/11/2017 triển khai thực hiện kiến nghị Kiểm toán NSDP năm 2016 của tỉnh Hà Nam và các công văn đơn đốc gửi trực tiếp cho các đơn vị có những nội dung kiểm toán kiến nghị và báo cáo kết quả về sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Kiểm toán NN khu vực I.

B. Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán đến hết ngày 30/6/2018

I. Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 đến ngày 30/6/2018

1. Tổng hợp tình hình thực hiện kiến nghị xử lý tài chính

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán	Số kiến nghị đã được điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Số kiến nghị đủ bằng chứng	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện	Tỷ lệ thực hiện %
	Tổng cộng	88.765.744.567	-	88.765.744.567	82.447.007.672	6.318.736.895	92,9%

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán	Số kiến nghị đã được điều chỉnh tăng	Số kiến nghị đủ bằng chứng	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện	Tỷ lệ thực hiện %
A	Các khoản tăng thu ngân sách	22.630.438.737		22.630.438.737	17.669.801.020	4.960.637.717	78,1%
1	Thuế GTGT	2.377.098.038		2.377.098.038	1.680.443.836	696.654.202	70,7%
2	Thuế TNDN	7.876.427.414		7.876.427.414	3.614.857.065	4.261.570.349	45,9%
3	Thuế tài nguyên	36.955.200		36.955.200	36.955.200		100%
4	Phí, lệ phí	378.782.671		378.782.671	378.782.671		100%
5	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	11.961.175.414		11.961.175.414	11.958.762.248	2.413.166	99,98%
B	Các khoản giảm chi	66.135.305.830		66.135.305.830	64.777.206.652	1.358.099.178	97,9%
I	Giảm chi thường xuyên	17.587.476.773		17.587.476.773	17.587.476.773		100%
1	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	75.545.328		75.545.328	75.545.328		100%
2	Thu hồi kinh phí thừa	2.526.000.000		2.526.000.000	2.526.000.000		100%
3	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	13.258.691.345		13.258.691.345	13.258.691.345		100%
4	Kiến nghị xử lý tài chính khác	1.727.240.100		1.727.240.100	1.727.240.100		100%
II	Giảm chi đầu tư xây dựng	48.547.829.057		48.547.829.057	47.189.729.879	1.358.099.178	97,2%
1	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	4.592.264.933		4.592.264.933	3.277.282.170	1.314.982.763	71,4%
2	Thu hồi kinh phí thừa	1.344.418.000		1.344.418.000	1.344.418.000		100%
3	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	26.453.611.715		26.453.611.715	26.446.548.865	7.062.850	99,97%
4	Giảm giá trúng thầu	2.667.928.605		2.667.928.605	2.667.928.605		100%
5	Kiến nghị xử lý tài chính khác	13.489.605.804		13.489.605.804	13.453.552.239	36.053.565	99,7%

(Chi tiết tại Phụ biểu số 01,02,03,04/THKN-NSĐP 2016 kèm theo)

Tổng số kiến nghị đã thực hiện là: 82.447.007.672 đồng, trong đó: Các khoản tăng thu ngân sách là 17.669.801.020 đồng, Giảm chi thường xuyên là: 17.587.476.773 đồng, giảm chi đầu tư xây dựng là: 47.189.729.879 đồng.

Tổng số kiến nghị chưa thực hiện là: 6.318.736.895 đồng, bao gồm:

- Tăng thu NSNN: 4.960.637.717đ (trong đó thuế GTGT 696.654.202đ, thuế TNDN 4.261.570.349đ, giảm thuế GTGT được khấu trừ 2.413.166đ). Nguyên nhân:

(i). Tăng thu NSNN số tiền: 4.658.266.967đ (trong đó: thuế GTGT: 497.599.838đ, thuế TNDN: 4.158.253.963đ, giảm thuế GTGT được khấu trừ: 2.413.166đ) của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Xây dựng Hải Ninh, MST: 0700234412. Theo báo cáo của Cục thuế, mặc dù Chi cục thuế thành phố Phủ Lý đã áp dụng nhiều biện pháp đôn đốc (Quyết định số 39/QĐ-CCT ngày 25/01/2018 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tài khoản, Quyết định số 159/QĐ-CCT ngày 01/03/2018 về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hoá đơn không còn giá trị sử dụng từ ngày 06/03/2018 đến 06/03/2019), đến nay Công ty đã không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký và Chi cục thuế thành phố Phủ Lý đã có Thông báo số 296/TB-CCT ngày 08/05/2018 về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký;

(ii). Tăng thu NSNN của các đơn vị khác 302.370.750đ do đơn vị chưa chấp hành nghiêm các kiến nghị của kiểm toán nhà nước.

- Giảm chi thường xuyên: Không

- Giảm chi đầu tư xây dựng: 1.358.099.178đ. Nguyên nhân: do đơn vị chưa chấp hành nghiêm các kiến nghị của kiểm toán nhà nước.

2. Kiến nghị về công tác quản lý tài chính, kế toán

2.1. Kiến nghị đã thực hiện

a) Trong lĩnh vực quản lý thu ngân sách

** Đối với kiến nghị:* Xây dựng dự toán các khoản thu nội địa đảm bảo mức phân đầu tăng bình quân theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Kết quả thực hiện: Năm 2017, Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản số 1457/STC-QLNS ngày 28/07/2017 về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 theo đúng chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, dự toán thu dựa trên cơ sở dự báo về tốc độ tăng trưởng kinh tế của năm 2017, định hướng phát triển kinh tế trên địa bàn, các chính sách mới ban hành, các yếu tố ảnh hưởng đến tăng, giảm nguồn thu...

** Đối với kiến nghị:* Xử phạt theo quy định đối với các doanh nghiệp vi phạm trong việc kê khai, quyết toán thuế dẫn đến xác định thiếu số thuế phải nộp NSNN qua phát hiện của Kiểm toán nhà nước.

Kết quả thực hiện: Để các doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, ngay sau khi có Kết luận của Đoàn kiểm toán, Công văn số 3178/UBND-KT ngày 03/11/2017 của UBND tỉnh Hà Nam về việc triển khai kế hoạch thực hiện Kết luận của Kiểm toán nhà nước, Công văn số 2620/STC-QLNS ngày 20/11/2017 của Sở Tài chính về việc thực hiện kiến nghị kiểm toán NSDP năm 2016, Cục Thuế đã chỉ đạo các đơn vị mời doanh nghiệp đến Cơ quan thuế để làm việc. Trên cơ sở số liệu theo kết quả tăng thu của Kiểm toán nhà nước với các doanh nghiệp, Cơ quan Thuế đã ban hành quyết định xử lý đối với các khoản truy thu, xử phạt đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp, xử phạt vi phạm hành

chính về thuế...theo quy định của Luật Quản lý thuế, đồng thời hạch toán vào phần mềm ứng dụng quản lý thuế tập trung (TMS).

*** Đối với kiến nghị:** Tăng cường công tác quản lý nợ và thực hiện đầy đủ các biện pháp cưỡng chế nợ theo quy định của Tổng cục thuế; đôn đốc thu nợ thuế nhằm huy động kịp thời các khoản thu vào NSNN; rà soát các khoản chậm nộp tiền thuê đất và tiền sử dụng đất để tính phạt đối với các tổ chức, cá nhân; tổng hợp đầy đủ nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất vào báo cáo nợ thuế theo quy định.

Kết quả thực hiện: Thực hiện Công văn số 3178/UBND-KT ngày 03/11/2017 của UBND tỉnh Hà Nam về việc triển khai kế hoạch thực hiện Kết luận của Kiểm toán nhà nước; Công văn số 2620/STC-QLNS ngày 20/11/2017 của Sở Tài chính về việc thực hiện kiến nghị kiểm toán NSDP năm 2016, Cục thuế tỉnh Hà Nam đã có Văn bản số 3565/CT-TTr ngày 24/11/2017 về việc thực hiện kiến nghị Kiểm toán NSDP năm 2016, trong đó yêu cầu và giao các Chi cục thuế các huyện, thành phố và các Phòng thuộc Cục thuế tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc kiến nghị của KTNN khu vực I.

Căn cứ dự toán thu NSNN năm 2018 của Bộ Tài chính và chỉ tiêu thu nợ tiền thuế của Tổng cục Thuế được giao; căn cứ Công văn số 422/TCT-QLN ngày 30/01/2018 của Tổng cục thuế về việc thông báo danh sách doanh nghiệp nợ thuế để đôn đốc, cưỡng chế và công khai thông tin: ngày 05/02/2018, Cục thuế tỉnh Hà Nam đã ban hành Công văn số 345/CT-QLN để giao chỉ tiêu thu nợ tiền thuế và chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc một số biện pháp xử lý nợ và cưỡng chế nợ thuế trong năm 2018, ...

*** Đối với kiến nghị:** Theo dõi việc kê khai, xác định thuế TNDN đối với những công trình/dự án tại các doanh nghiệp có tăng doanh thu, tăng thuế GTGT do hạch toán thiếu doanh thu, kê khai thiếu thuế GTGT được phát hiện qua kết quả kiểm tra, đối chiếu của KTNN nhưng chưa đủ cơ sở để KTNN xác định thuế TNDN liên quan đến doanh thu được phát hiện tăng thêm.

Kết quả thực hiện: Ngày 24/11/2017, Cục thuế tỉnh Hà Nam đã có Công văn số 3565/CT-TTr gửi các đơn vị thuộc và trực thuộc Cục thuế đôn đốc các đơn vị thực hiện theo kiến nghị của KTNN, trong đó giao Phòng Kiểm tra thuế chủ trì cùng các Chi cục thuế thực hiện nội dung kiến nghị trên.

b) Trong lĩnh vực chi ngân sách

*** Đối với kiến nghị:** Đề nghị Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh giao dự toán dự phòng cho huyện và huyện giao dự toán dự phòng cho xã đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

Kết quả thực hiện: Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh giao dự toán dự phòng cho huyện và huyện giao dự toán dự phòng cho xã đảm bảo tỷ lệ theo quy định. UBND tỉnh Hà Nam đã có Báo cáo số 143/BC-UBND ngày 29/11/2017 về tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2017, dự toán và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện dự toán NSNN năm 2018; Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của

UBND tỉnh Hà Nam về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2018 cho các đơn vị.

*** Đối với kiến nghị:** UBND tỉnh rút kinh nghiệm trong việc chưa trình với HĐND tỉnh về việc giao chỉ tiêu lao động chuyên trách dân số tại các xã dẫn đến các đơn vị phải hợp đồng ngoài chỉ tiêu.

Kết quả thực hiện: UBND tỉnh Hà Nam đã ban hành Quyết định số 1998/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 về việc phê duyệt kết quả xét tuyển, xét tuyển đặc cách và công nhận danh sách trúng tuyển viên chức đối với cán bộ Trạm y tế và cán bộ chuyên trách Dân số - Kế hoạch hoá gia đình năm 2017.

*** Đối với kiến nghị:** Đề nghị UBND tỉnh Hà Nam chỉ đạo Sở Nội vụ theo dõi và quản lý đầy đủ đối tượng lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

Kết quả thực hiện: UBND tỉnh Hà Nam đã ban hành Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 07/08/2017 về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính nhà nước và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017.

*** Đối với kiến nghị:** Đề nghị UBND tỉnh Hà Nam chỉ đạo các huyện chấn chỉnh và chấm dứt tình trạng bố trí kinh phí cho lao động hợp đồng ngoài chỉ tiêu biên chế được giao; sử dụng biên chế viên chức của các đơn vị sự nghiệp công để làm công việc quản lý hành chính.

Kết quả thực hiện: Các huyện đã chấn chỉnh rút kinh nghiệm: năm 2018 tỉnh đã xét tuyển vào công chức và viên chức nên không còn tình trạng hợp đồng (Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 07/08/2017 về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính nhà nước và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017; Quyết định số 1998/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 về việc phê duyệt kết quả xét tuyển, xét tuyển đặc cách và công nhận danh sách trúng tuyển viên chức đối với cán bộ Trạm y tế và cán bộ chuyên trách Dân số - Kế hoạch hoá gia đình năm 2017).

*** Đối với kiến nghị:** Các đơn vị được kiểm toán thực hiện công tác kế toán, xây dựng quy chế quản lý tài sản và thực hiện chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản hàng năm theo quy định.

Kết quả thực hiện: Thực hiện Công văn số 3178/UBND-KT ngày 03/11/2017 của UBND tỉnh Hà Nam về việc triển khai kế hoạch thực hiện Kết luận của Kiểm toán nhà nước; Công văn số 2620/STC-QLNS ngày 20/11/2017 của Sở Tài chính về việc thực hiện kiến nghị kiểm toán NSĐP năm 2016, các đơn vị đã xây dựng quy chế quản lý tài sản và thực hiện chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản hàng năm theo đúng quy định.

*** Đối với kiến nghị:** Huyện Thanh Liêm rút kinh nghiệm trong việc sử dụng kinh phí từ nguồn thu tiền sử dụng đất cho chi thường xuyên.

Kết quả thực hiện: UBND huyện Thanh Liêm đã có văn bản số 114/BC-UBND ngày 17/05/2018 của UBND huyện Thanh Liêm báo cáo HĐND huyện Thanh Liêm; văn bản số 115/BC-UBND ngày 17/05/2018 của UBND huyện Thanh Liêm về việc chấn chỉnh rút kinh nghiệm theo kiến nghị của KTNN; Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 17/05/2018 của UBND huyện Thanh Liêm; Báo cáo số 10/BC-HĐND ngày 17/05/2018 của HĐND huyện, theo đó các đơn vị đã chấn chỉnh, rút kinh nghiệm việc sử dụng nguồn vốn đầu tư xây dựng để chi thường xuyên và không để tình trạng này tái diễn ở các năm ngân sách tiếp theo.

c) Trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng

*** Đối với kiến nghị:** Các Sở, Ban, Ngành rà soát, tạm dừng việc phê duyệt khởi công mới các dự án chưa thực sự cấp bách, khi chưa hoàn thành xử lý nợ XDCB theo đúng quy định tại Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục tổ chức rà soát, thống kê các dự án hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành, không bố trí được kế hoạch vốn, hoặc bố trí vốn chưa đầy đủ, để có biện pháp điều chuyển, tập trung vốn cho các công trình đã hoàn thành theo Luật Đầu tư công và các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đầu tư công và xử lý nợ XDCB.

Kết quả thực hiện: Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 19/07/2017 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, trong đó nguyên tắc bố trí, thứ tự ưu tiên: (i). Bố trí thanh toán nợ XDCB; (ii). Hoàn ứng trước ngân sách tỉnh, ngân sách trung ương; (iii). Bố trí vốn đối ứng dự án ODA; (iv). Bố trí cho dự án chuyển tiếp; (v). Bố trí cho dự án khởi công mới đã có chủ trương đầu tư của tỉnh hoặc có quyết định đầu tư.

*** Đối với kiến nghị:** Sở Tài chính chủ trì phối hợp với KBNN rà soát số liệu về ứng trước vốn cho các dự án đầu tư còn sai lệch giữa số liệu của Sở Tài chính và KBNN.

Kết quả thực hiện: Thực hiện Công văn số 3178/UBND-KT ngày 03/11/2017 của UBND tỉnh Hà Nam về việc triển khai kế hoạch thực hiện Kết luận của Kiểm toán nhà nước; Công văn số 2620/STC-QLNS ngày 20/11/2017 của Sở Tài chính về việc thực hiện kiến nghị kiểm toán NSDP năm 2016, năm 2017 Sở Tài chính đã chủ trì phối hợp với KBNN tiến hành rà soát số liệu về ứng trước vốn cho các dự án đầu tư, kết quả số liệu của Sở Tài chính và KBNN đã khớp đúng.

*** Đối với kiến nghị:** Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước Hà Nam thực hiện quyết toán nguồn vốn trái phiếu Chính phủ với NSTW theo đúng quy định đối với 02 dự án được kiểm toán (Dự án xử lý khẩn cấp sạt lở bờ kết hợp chỉnh trang đô thị đoạn thượng lưu công Phủ Lý từ cầu Phủ Lý qua QL1A đến cống xả trạm bơm Mễ và Dự án xây dựng công trình đường D4 thuộc khu đô thị mới Nam Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam: số tiền 7.156.341.880đ, bao gồm sai khối lượng, đơn giá định mức 3.481.216.017đ do kiểm toán phát hiện giảm trừ; phần cọc bê tông đã đúc 2.517.916.710đ do dự án bị dừng thi công đã chuyển sang sử dụng tại dự án khác và

phần công đã đúc xong chưa lắp đặt giá trị 1.157.209.153đ do vướng GPMB dừng thi công để lập hồ sơ quyết toán).

*** Kết quả thực hiện:** Về việc quyết toán vốn đầu tư XDCB theo niên độ ngân sách hàng năm: Kho bạc đã thực hiện quyết toán nguồn vốn trái phiếu Chính phủ với NSTW gửi Sở Tài chính theo quy định tại Thông tư 210/TT-BTC.

*** Đối với kiến nghị:** Sở KH&ĐT Báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư để điều chỉnh kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước năm 2016, đã bố trí cho dự án GPMB, đầu tư trực giao thông chính và một số hạng mục phụ trợ khu công nghiệp Đồng Văn III - giai đoạn I với số tiền 37.669trđ, chưa phù hợp về đối tượng được sử dụng nguồn vốn.

Kết quả thực hiện: Thực hiện kiến nghị của KTNN, UBND tỉnh Hà Nam đã ban hành Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước năm 2016 thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương và đường giao thông nông thôn.

*** Đối với kiến nghị:** Tổ công tác nợ XDCB của Tỉnh và các chủ đầu tư có liên quan rà soát và tổng hợp lại số liệu nợ XDCB trên địa bàn, đảm bảo đầy đủ, chính xác cả số nợ công trình đã hoàn thành nhưng chưa nghiệm thu khối lượng và đề nghị thanh toán, tiếp tục báo cáo trước HĐND Tỉnh, báo cáo TW và có giải pháp tháo gỡ hiệu quả để có thể xử lý được nợ XDCB trên địa bàn.

Kết quả thực hiện: Thực hiện Kết luận của KTNN khu vực I, Sở Tài chính đã có Công văn số 2252b/STC-TCĐT ngày 01/11/2017 gửi các Sở ngành, Chủ đầu tư, Ban QLDA, UBND các huyện, thành phố, Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố về việc báo cáo tổng hợp nợ XDCB đến 31/12/2016; Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 19/07/2017 của HĐND tỉnh Hà Nam về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; Chỉ thị 13/CT-UBND ngày 21/8/2013 của UBND tỉnh về quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

*** Đối với kiến nghị:** Các chủ đầu tư, các huyện, thị xã và Sở Tài chính tăng cường thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

Kết quả thực hiện: UBND tỉnh Hà Nam đã có Văn bản số 534/UBND-KT ngày 08/03/2018 về việc kiện toàn tổ thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn NSNN; ngày 03/05/2018, Sở Tài chính đã có văn bản tham mưu cho UBND tỉnh tại Tờ trình số 818/TTr-STC về việc giao nhiệm vụ thẩm tra quyết toán các dự án hoàn thành của tỉnh; thành lập Hội đồng thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành của tỉnh và Tổ công tác giúp việc Hội đồng thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành. Trên cơ sở văn bản tham mưu của Sở Tài chính, UBND tỉnh Hà Nam đã ban hành Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 07/05/2018 về việc thành lập Hội đồng thẩm tra quyết toán dự

án hoàn thành của Tỉnh và Tổ công tác giúp việc Hội đồng thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.

*** Đối với kiến nghị:**

- Các chủ đầu tư, ban QLDA có liên quan chấn chỉnh rút kinh nghiệm đối với những hạn chế, sai sót trong công tác lập dự án, công tác khảo sát, lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán, công tác đấu thầu, quản lý tiến độ, quản lý chất lượng và nghiệm thu, thanh, quyết toán công trình như kết quả kiểm toán chi tiết tại các dự án đã nêu.

- Chủ đầu tư, các đơn vị có liên quan chấp hành và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các kết luận, kiến nghị của KTNN.

Kết quả thực hiện: Các cơ quan đơn vị trong tỉnh đã nghiêm túc chấp hành quy định của nhà nước, của tỉnh về đầu tư xây dựng, từng bước hạn chế tình trạng đầu tư dàn trải, hạn chế nợ đọng xây dựng cơ bản, nâng cao hiệu quả đầu tư. Ngày 09/06/2017, UBND tỉnh Hà Nam đã ban hành Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 08/09/2016 của UBND tỉnh về việc phân cấp thẩm định dự án, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

*** Đối với kiến nghị:** Bố trí kế hoạch vốn để thu hồi vốn ứng trước đối với số dư nợ vốn ứng trước kéo dài qua nhiều năm, tính đến niên độ 2016 là 131.261trđ.

Kết quả thực hiện: Theo báo cáo, tỉnh Hà Nam đã có Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 19/07/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 về giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2018, trong đó dự toán năm 2018 đã bố trí trả nợ gốc vay 131.250trđ.

*** Đối với kiến nghị:** Đề nghị UBND tỉnh rút kinh nghiệm việc còn ứng trước kế hoạch vốn nhưng chưa phân bổ dự toán để hoàn trả; chưa thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật NSNN về ứng trước kế hoạch vốn.

Kết quả thực hiện: UBND tỉnh đã có Báo cáo số 143/BC-UBND ngày 29/11/2017 về tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2017, dự toán và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện dự toán năm 2018; Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 19/07/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

*** Đối với kiến nghị:** Đề nghị UBND tỉnh rút kinh nghiệm việc thực hiện các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ để khắc phục và xử lý dứt điểm nợ đọng XDCCB trên địa bàn Tỉnh.

Kết quả thực hiện: Theo báo cáo của tỉnh Hà Nam, UBND tỉnh đã rút kinh nghiệm việc thực hiện các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ để khắc phục và xử lý dứt điểm nợ đọng XDCCB trên địa bàn Tỉnh, ngày 19/07/2017, HĐND tỉnh Hà Nam đã có Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

*** Đối với kiến nghị:** Đề nghị UBND tỉnh rút kinh nghiệm việc thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư còn chưa xác định được cụ thể, rõ ràng chi tiết giá trị từng nguồn vốn và kế hoạch bố trí vốn. Việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư đầu năm, điều chỉnh bổ sung trong năm còn có hạn chế, tồn tại như kết quả kiểm toán đã nêu.

Kết quả thực hiện: Theo báo cáo của tỉnh Hà Nam, UBND tỉnh đã rút kinh nghiệm việc thực hiện các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ để khắc phục và xử lý dứt điểm nợ đọng XD/CB trên địa bàn Tỉnh, ngày 19/07/2017, HĐND tỉnh Hà Nam đã có Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

d) Các kiến nghị đối với Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam

*** Đối với kiến nghị:** Đề nghị HĐND xem xét và cho ý kiến đối với việc vay để đầu tư xây dựng vượt quá quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và quy định tại Điều 26 Nghị định 60/2003/NĐ-CP của Chính phủ: 142.932trđ, tương đương vượt 42%.

Kết quả thực hiện: UBND tỉnh đã có Báo cáo số 143/BC-UBND ngày 29/11/2017 về tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2017, dự toán và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện dự toán năm 2018 trình HĐND tỉnh khoá XVIII, kỳ họp thứ 5 ngày 5-7/12/2017.

*** Đối với kiến nghị:** Đề nghị HĐND xem xét và cho ý kiến đối với việc một số đơn vị còn hợp đồng lao động ngoài chỉ tiêu biên chế được giao 1.420 người, với số chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp năm 2016 là: 26.131.913.611đ. Xem xét trách nhiệm trong việc chưa giao chỉ tiêu đối với hợp đồng cán bộ chuyên trách dân số xã.

Kết quả thực hiện: UBND tỉnh đã có Báo cáo số 143/BC-UBND ngày 29/11/2017 về tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2017, dự toán và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện dự toán năm 2018 trình HĐND tỉnh khoá XVIII, kỳ họp thứ 5 ngày 5-7/12/2017; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 về chương trình giám sát năm 2017 của HĐND tỉnh khoá XVIII, nhiệm kỳ 2016-2021.

*** Đối với kiến nghị:** Đề nghị HĐND tỉnh Hà Nam tăng cường giám sát các đơn vị được kiểm toán thực hiện đầy đủ các kiến nghị của KTNN trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công như đã nêu trong Báo cáo kiểm toán; tăng cường công tác giám sát trong quản lý, sử dụng biên chế công chức và biên chế sự nghiệp theo đúng qui định. Xem xét kết quả kiểm toán khi phê chuẩn Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2016 của tỉnh.

Kết quả thực hiện: HĐND tỉnh Hà Nam đã có Báo cáo số 25/BC-KTNS ngày 04/12/2017 Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh.

2.2. Kiến nghị đang thực hiện

a) Trong lĩnh vực quản lý thu ngân sách

*** Đối với kiến nghị:** Tổ chức Thanh tra việc chấp hành pháp luật về thuế đối với

03 doanh nghiệp: (i) Công ty TNHH Tiên Chung (MST: 0700326656); (ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Đông (MST: 0700306314) do 02 DN này không cung cấp được hồ sơ tài liệu cho Đoàn kiểm toán (có lý do xác nhận của Cơ quan thuế); (iii) Công ty TNHH một thành viên Quỳnh Hằng (nay là Công ty Cổ phần nhựa Quỳnh Hằng SP, MST: 0700386408) để xác định rõ các loại sản phẩm Công ty sản xuất và kinh doanh trong các năm vừa qua đến năm 2016 thuộc loại sản phẩm làm cơ sở tính, trích khấu hao TSCĐ theo chế độ quy định. Báo cáo kết quả thanh tra về Kiểm toán nhà nước.

Nguyên nhân đang thực hiện:

Ngày 05/12/2017, Cục thuế tỉnh Hà Nam lập Kế hoạch thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế năm 2018 và báo cáo Tổng cục thuế tại Công văn số 3765/CT-TTr và được Tổng cục thuế phê duyệt tại Quyết định số 2239/QĐ-TCT ngày 28/12/2017; báo cáo UBND tỉnh, Thanh tra nhà nước tỉnh Hà Nam tại Công văn số 3789/CT-TTr ngày 06/12/2017.

Căn cứ Quyết định của Tổng cục thuế, ngày 23/03/2018 Cục thuế tỉnh Hà Nam đã ban hành Quyết định số 733/QĐ-CT về việc thanh tra thuế tại Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Trung Đông. Đến thời điểm kiểm tra thực hiện kiến nghị, đoàn thanh tra đang tiến hành thanh tra đối với doanh nghiệp.

02 doanh nghiệp là Công ty TNHH Tiên Chung, MST: 0700326656; Công ty TNHH một thành viên Quỳnh Hằng (nay là Công ty Cổ phần nhựa Quỳnh Hằng SP, MST: 0700386408) đến thời điểm Đoàn kiểm tra thực hiện kiến nghị Cục thuế chưa ban hành Quyết định thanh tra thuế.

b) Trong lĩnh vực chi ngân sách

*** Đối với kiến nghị:** UBND tỉnh rút kinh nghiệm trong việc để số dư nợ vay vượt quá mức quy định qua nhiều năm; đồng thời xây dựng phương án trả nợ vay đảm bảo mức dư nợ vay theo quy định của Luật NSNN để trình HĐND xem xét quyết định; tạm ứng Quỹ phát triển đất cho các dự án từ năm 2012 đến 2015 chưa thu hồi về Quỹ 120.325.388.000đ

Nguyên nhân đang thực hiện:

- Năm 2018, UBND tỉnh rút kinh nghiệm trong việc để số dư nợ vay vượt quá mức quy định qua nhiều năm; Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh giao dự toán trả nợ vốn vay, số tiền 131.250trđ theo đúng quy định tại Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Hà Nam về giao dự toán thu chi năm 2018 cho các đơn vị.

Đối với khoản kinh phí tạm ứng Quỹ phát triển đất cho các dự án từ năm 2012 đến 2015 chưa thu hồi về Quỹ 120.325.388.000đ: Năm 2017, sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh thu hồi nguồn kinh phí ứng 29.122,165 triệu đồng, số còn lại Sở Tài chính đang tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện thu hồi theo đúng quy định.

c) Trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng

*** Đối với kiến nghị:** Ủy ban nhân dân thành phố Phủ Lý: (i) Kết hợp với nhà đầu tư giải quyết dứt điểm và hoàn thành việc giải phóng mặt bằng diện tích đất còn lại trong khu vực dự án Khu hồ A1, xác định chính xác diện tích đất đã hoàn thành công tác GPMB tại Dự án đề nghị với các cơ quan liên quan của tỉnh thực hiện bàn giao đất trên thực địa cho Nhà đầu tư để hoàn thành dự án Khu hồ A1 đã được UBND tỉnh chấp thuận (diện tích đất chưa bàn giao thực địa 12.297m²); (ii) Rút kinh nghiệm về việc ký hợp đồng BT theo giá trị dự toán của bước thiết kế cơ sở chưa được chi tiết, trong khi thiết kế BVTC-DT đã được các Sở chuyên ngành thẩm định và được Nhà đầu tư phê duyệt, dẫn đến giá trị hợp đồng BT chưa sát với thực tế và việc xác định chi phí giải phóng mặt bằng đưa vào hợp đồng có chênh lệch lớn so với phương án đền bù thực tế và các sai sót như kiểm toán nêu trên, dẫn đến việc chậm nộp tiền sử dụng đất vào NSNN số tiền 10.216.632.718 đồng.

Nguyên nhân đang thực hiện: UBND thành phố Phủ Lý và nhà đầu tư đã có cam kết thực hiện hoàn thành trước ngày 30/6/2018 (Biên bản thống nhất giữa UBND thành phố Phủ Lý và nhà đầu tư về việc cam kết thực hiện theo Kết luận của KTNN dự án xây dựng HTKT khu hồ A1 địa bàn phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý ngày 16/06/2018).

*** Đối với kiến nghị:** Đề nghị HĐND tỉnh Hà Nam chỉ đạo UBND Tỉnh bố trí nguồn để hoàn trả vốn vay, tạm ứng đến hạn trả; hoàn trả số tạm ứng từ NSTW cho tỉnh Hà Nam chưa được xử lý là: 46.100trđ. Đồng thời Bố trí NSDP để trả dứt điểm nợ đọng đầu tư xây dựng.

Nguyên nhân đang thực hiện: Theo báo cáo của tỉnh Hà Nam, các dự án thực hiện nhiệm vụ của trung ương trên địa bàn, ngân sách trung ương ứng trước cho dự án và đã đang thực hiện thu hồi (Bố trí và thu ứng trong kế hoạch đầu tư công), tuy nhiên dự án trong kế hoạch đầu tư công còn chưa bố trí thu hồi hết).

2.3. Những kiến nghị chưa thực hiện

Trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng

*** Đối với kiến nghị:** Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước Hà Nam thực hiện quyết toán nguồn vốn trái phiếu Chính phủ với NSTW theo đúng quy định đối với 02 dự án được kiểm toán (Dự án xử lý khẩn cấp sạt lở bờ kết hợp chỉnh trang đô thị đoạn thượng lưu công Phủ Lý từ cầu Phủ Lý qua QL1A đến cống xả trạm bơm Mễ và Dự án xây dựng công trình đường D4 thuộc khu đô thị mới Nam Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam: số tiền 7.156.341.880đ, bao gồm sai khối lượng, đơn giá định mức 3.481.216.017đ do kiểm toán phát hiện giảm trừ; phần cọc bê tông đã đúc 2.517.916.710đ do dự án bị dừng thi công đã chuyển sang sử dụng tại dự án khác và phần cống đã đúc xong chưa lắp đặt giá trị 1.157.209.153đ do vướng GPMB dừng thi công để lập hồ sơ quyết toán).

Nguyên nhân chưa thực hiện: Theo báo cáo của đơn vị, đơn vị chưa thực hiện quyết toán 2 dự án trên do:

+ Dự án xử lý khẩn cấp sạt lở bờ kết hợp chỉnh trang đô thị đoạn thượng lưu công Phủ Lý từ cầu Phủ Lý qua QL1A đến công xả trạm bơm Mễ: Ngày 20/11/2014, UBND tỉnh đã có văn bản số 2072/UBND-NN&TNMT về việc kết thúc thực hiện Dự án xử lý khẩn cấp sạt lở bờ kết hợp chỉnh trang đô thị đoạn thượng lưu công Phủ Lý từ cầu Phủ Lý qua QL1A đến công xả trạm bơm Mễ. Ban QLDA đang thực hiện các bước điều chỉnh dự án, điều chỉnh tổng dự toán để thực hiện thanh quyết toán công trình, chưa nộp hồ sơ, tờ trình đề nghị thẩm tra phê duyệt quyết toán cho Sở Tài chính.

+ Dự án xây dựng công trình đường D4 thuộc khu đô thị mới Nam Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam: Ngày 14/7/2017, UBND tỉnh Hà Nam có quyết định số 876/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh dự án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án xây dựng công trình đường D4 thuộc khu đô thị mới Nam Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Dự án vẫn đang được tiếp tục thực hiện, chưa nộp hồ sơ đề nghị thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

*** Đối với kiến nghị:** Các chủ đầu tư đơn độc các nhà thầu, đồng thời phối hợp với kho bạc nhà nước Hà Nam để thu hồi các khoản tạm ứng đã kéo dài qua nhiều năm (quá hạn) của các dự án đầu tư. Trong trường hợp không có khối lượng hoàn ứng, hoặc dự án đã dừng thực hiện kiên quyết thu hồi hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định. Tổng số 18.888.305.742đ (trong đó vốn ngân sách tỉnh là 15.626.325.904đ; vốn TPCP là 3.261.979.838đ).

Nguyên nhân chưa thực hiện: do đơn vị chưa thực hiện nghiêm theo kết luận của KTNN

*** Đối với kiến nghị:** Văn phòng UBND Tỉnh chấn chỉnh rút kinh nghiệm liên quan đến việc tham mưu ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Dự án Tu bổ, nâng cấp, kiên cố hóa mặt đê Bồi Lại Xá, phường Thanh Tuyền, thành phố Phủ Lý, trong đó phê duyệt hình thức lựa chọn nhà thầu là đấu thầu hạn chế, không căn cứ theo ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, không phù hợp với quy định của Luật đấu thầu.

Nguyên nhân chưa thực hiện: do đơn vị chưa thực hiện nghiêm theo kết luận của KTNN.

*** Đối với kiến nghị:** Các chủ đầu tư dự án đất được kiểm toán hoàn thiện Công trình, thực hiện nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, khẩn trương hoàn thiện hồ sơ hoàn công, quyết toán công trình và thanh lý hợp đồng BT theo quy định.

Nguyên nhân chưa thực hiện: do đơn vị chưa thực hiện nghiêm theo kết luận của KTNN.

3. Kiến nghị về hoàn thiện cơ chế, chính sách

3.1. Kiến nghị đã thực hiện

*** Đối với kiến nghị:** Sở Tài chính chủ trì tham mưu, trình UBND tỉnh quyết định ban hành quy định sửa đổi hoặc thay thế Quyết định số 251/QĐ-UB ngày 16/3/2000 của UBND tỉnh Hà Nam về việc thành lập tổ tư vấn thẩm tra quyết toán vốn đầu tư, để phù hợp với quy trình, thủ tục thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016, theo hướng rút gọn trình tự thủ tục, đảm bảo thời gian thẩm tra, phê duyệt theo quy định.

Kết quả thực hiện: UBND tỉnh Hà Nam đã có Văn bản số 534/UBND-KT ngày 08/03/2018 về việc kiện toàn tổ thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn NSNN; ngày 03/05/2018, Sở Tài chính đã có văn bản tham mưu cho UBND tỉnh tại Tờ trình số 818/TTr-STC về việc giao nhiệm vụ thẩm tra quyết toán các dự án hoàn thành của tỉnh; thành lập Hội đồng thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành của tỉnh và Tổ công tác giúp việc Hội đồng thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành. Trên cơ sở văn bản tham mưu của Sở Tài chính, UBND tỉnh Hà Nam đã ban hành Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 07/05/2018 về việc thành lập Hội đồng thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành của Tỉnh và Tổ công tác giúp việc Hội đồng thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.

*** Đối với kiến nghị:** Sở NN&PTNT chủ trì tham mưu xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành chủ trương, chính sách về khuyến nông phù hợp với điều kiện địa phương; Xây dựng, phê duyệt và chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án khuyến nông tại địa phương” theo quy định tại Điều 23 Nghị định 02/2010/NĐ-CP của ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông; quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ NN&PTNT hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.

Kết quả thực hiện: Theo báo cáo của UBND tỉnh, Sở NN&PTNT đã chủ trì tham mưu xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành chủ trương, chính sách về khuyến nông phù hợp với điều kiện địa phương, ngày 18/01/2018 UBND tỉnh Hà Nam đã ban hành Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND về việc ban hành quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

3.2. Kiến nghị đang thực hiện:

*** Đối với kiến nghị:** Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu, trình UBND tỉnh Quy định lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền; Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực; danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công, làm cơ sở ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công tính đủ chi phí và các quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

Kết quả thực hiện: UBND tỉnh Hà Nam đã có Văn bản số 1787/KH-UBND ngày 10/08/2016 về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; Ngày 23/08/2016 Sở Tài chính có văn bản số 1535/STC-HCSN gửi các Sở, Ban, Ngành, Đảng, Đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố về việc triển khai kế hoạch 1787/KH-UBND.

(Chi tiết tại Phụ biểu số 07/THKN-NSDP 2016 kèm theo)

3.3. Kiến nghị chưa thực hiện: Không.

4. Tình hình thực hiện kiến nghị khác

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán	Số kiến nghị đã được điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Số kiến nghị đủ bằng chứng	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện	Tỷ lệ thực hiện %
A	Giảm lỗ	171.794.996		171.794.996	171.794.996		100%
B	Kiến nghị khác	711.922.828.882	13.310.678.559	698.602.150.323	363.447.434.350	335.154.715.973	52%

(Chi tiết tại Phụ biểu số 09/THKN-NSDP 2016 kèm theo)

Số kiến nghị đã được điều chỉnh:

- Điều chỉnh giảm số tiền 168.558.250đ tại điểm 1, mục I - Phụ biểu số 09/THKN-NSDP 2016 của huyện Thanh Liêm kiến nghị phải thu tiền hợp pháp hoá đất tại xã Thanh Thủy tổng hợp trùng với nội dung kiểm toán tổng hợp tại phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Thanh Liêm.

- Điều chỉnh giảm các kiến nghị xử lý tài chính khác tại các dự án kiểm toán chi tiết tại mục XIII - Phụ biểu 09/THKN-NSDP 2016, số tiền 13.152.120.309đ do đã tổng hợp tại cột 10 “Kiến nghị xử lý tài chính khác” của Phụ biểu số 03/THKN-NSDP 2016 - Giảm chi đầu tư xây dựng;

Nguyên nhân chưa thực hiện các kiến nghị khác năm 2016:

Các kiến nghị khác, số tiền 335.154.715.973đ UBND tỉnh đang tiếp tục đôn đốc các đơn vị thực hiện.

II. Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán ngân sách địa phương năm 2015 đến ngày 30/6/2018

1. Tình hình thực hiện kiến nghị xử lý tài chính năm 2015

1.1 Các khoản giảm chi

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán	Số kiến nghị đã được điều chỉnh tăng	Số kiến nghị đủ bằng chứng	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện	Tỷ lệ thực hiện %
----	----------	------------------------	--------------------------------------	----------------------------	-------------------------	-------------------	-------------------

			(+), giảm (-)				
	Tổng cộng	21.918.846.759	250.797.000	21.918.846.759	14.710.378.505	7.208.468.254	67,1%
B	Các khoản giảm chi	21.918.846.759	250.797.000	21.918.846.759	14.710.378.505	7.208.468.254	67,1%
I	Giảm chi thường xuyên	4.231.550.700		4.231.550.700	474.006.200	3.757.544.500	11,2%
1	Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp	4.231.550.700		4.231.550.700	474.006.200	3.757.544.500	11,2%
II	Giảm chi đầu tư xây dựng	17.687.296.059	250.797.000	17.687.296.059	14.236.372.305	3.450.923.754	80,5%
1	Thu hồi nộp NSNN (chi sai chế độ)	3.263.699.556		3.263.699.556	0	3.263.699.556	0%
2	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm su	6.879.294.116		6.879.294.116	6.840.588.918	38.705.198	99,4%
3	Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp	148.519.000		148.519.000	0	148.519.000	0%
4	Kiến nghị xử lý tài chính khác (giảm giá trị trúng thầu; GT hợp đồng)	7.395.783.387		7.395.783.387	7.395.783.387		100%

(Chi tiết tại Phụ biểu số 03,04,06/THKN-NSĐP 2015 kèm theo)

Số kiến nghị đã được điều chỉnh: Số kiến nghị điều chỉnh tăng, giảm 250.797.000đ, do chứng từ thực hiện kiến nghị năm 2017 nhập nhầm số liệu thực hiện của Ban QLDA vùng phân lũ Hữu đày sang Ban NN&PTNT.

Tổng số kiến nghị đã thực hiện là: 14.710.378.505 đồng, trong đó: Giảm chi thường xuyên là: 474.006.200 đồng, giảm chi đầu tư xây dựng là: 14.236.372.305 đồng.

Tổng số kiến nghị chưa thực hiện là: 6.318.736.895 đồng, bao gồm:

- Tăng thu NSNN: Không.
- Giảm chi thường xuyên: 3.757.544.500đ (Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp) do đơn vị chưa chấp hành nghiêm các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.
- Giảm chi đầu tư xây dựng: 3.450.923.754đ (Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định: 3.263.699.556đ; giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau: 38.705.198đ; nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp: 148.519.000đ) do trong năm 2017 các đơn vị chưa được bố trí vốn để thanh toán cho các công trình, khi UBND các cấp

bổ trí vốn, các chủ đầu tư sẽ thực hiện nộp trả NSNN; một phần do đơn vị chưa chấp hành nghiêm các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

1.2 Các kiến nghị khác: Tổng số kiến nghị 233.728.180.168đ, đơn vị đã thực hiện và có báo cáo tổng hợp số liệu đã thực hiện 172.732.295.338đ, số đang tiếp tục thực hiện 60.995.884.830đ.

(Chi tiết tại Phụ biểu số 09/THKN-NSDP 2015 kèm theo).

2. Tình hình thực hiện kiến nghị công tác quản lý

2.1. Kiến nghị đã thực hiện

* **Đối với kiến nghị:** Chấm dứt tình trạng ứng trước kế hoạch vốn mà không xác định được năm bố trí kế hoạch hoàn trả. Thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật NSNN về ứng trước kế hoạch vốn, đảm bảo vốn ứng trước trong năm phải được thu hồi vào kế hoạch năm sau; bố trí kế hoạch vốn để thu hồi vốn ứng trước đối với số dư nợ vốn ứng trước kéo dài qua nhiều năm, tính đến 31/12/2015 là 473.478,2trđ.

Kết quả thực hiện: UBND tỉnh Hà Nam đã có các giải pháp thực hiện kiến nghị tại Báo cáo số 143/BC-UBND ngày 29/11/2017.

* **Đối với kiến nghị:** UBND tỉnh và các đơn vị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm:

(i) Trong công tác phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn còn tập trung vào cuối năm, chưa đảm bảo việc điều chỉnh kế hoạch vốn trước ngày 25/12 theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011.

(ii) Chưa thực hiện nghiêm túc đầy đủ các nội dung của Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 10/10/2012, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/06/2013, Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ để khắc phục và xử lý dứt điểm nợ đọng XDCB trên địa bàn tỉnh.

(iii) Việc còn để những hạn chế đã nêu trong công tác phân bổ kế hoạch vốn đầu tư, trong quản lý thực hiện các dự án đầu tư; có biện pháp để nâng cao chất lượng các công tác thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, đấu thầu, quản lý tiến độ, quản lý chất lượng và thanh quyết toán công trình.

Kết quả thực hiện: UBND tỉnh Hà Nam đã có các giải pháp thực hiện kiến nghị tại Báo cáo số 143/BC-UBND ngày 29/11/2017.

2.2. Kiến nghị đang thực hiện: Không.

2.3. Kiến nghị chưa thực hiện

* **Đối với kiến nghị:** Sở GT-VT hướng dẫn triển khai việc điều chỉnh hàm lượng nhựa đường trong kết cấu lớp bê tông nhựa đường theo Công văn số 9297/BGTVT-KHCN ngày 31/7/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về triển khai các giải pháp khắc phục hư hỏng “hần lún vệt bánh xe” sau khi đưa công trình vào khai thác sử dụng trên địa bàn toàn tỉnh; Các chủ đầu tư thực hiện rà soát các dự án hiện tại đang quản lý trên địa bàn tỉnh, để điều chỉnh thiết kế hàm lượng nhựa thuộc các hạng mục mặt đường bê tông nhựa chưa thi công, đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật và giảm chi phí đầu tư. (Kiểm

toán nhà nước tính hàm lượng nhựa ở mức tối đa đối với 02 dự án của Ban quản lý Khu Đại học Nam Cao thì giá trị lớp mặt bê tông nhựa đã giảm so với giá trị hợp đồng là 7.873trđ).

Nguyên nhân chưa thực hiện: Do đơn vị chưa thực hiện nghiêm kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

*** Đối với kiến nghị:** Đề nghị Ban QLDA thực hiện nghiêm túc việc quyết toán dự án hoàn thành theo thông tư 19/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính (nay là thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn NSNN).

Nguyên nhân chưa thực hiện: Do đơn vị chưa thực hiện nghiêm kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

*** Đối với kiến nghị:** Đề nghị Ban QLDA thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nội dung trong quá trình nghiệm thu theo quy định của nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2014, Nghị định 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ sửa đổi bổ sung nghị định 209/2004/NĐ-CP về quản lý chất lượng công trình xây dựng (từ năm 2013 Nghị định số 15/NĐ-CP ngày 06/2/2013).

Nguyên nhân chưa thực hiện: Do đơn vị chưa thực hiện nghiêm kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

*** Đối với kiến nghị:** Đề nghị Bộ Tài chính thực hiện điều chỉnh hạn mức hoàn thuế cho phù hợp với yêu cầu hoàn thuế của địa phương để hoàn thuế kịp thời cho người nộp thuế theo quy định.

Nguyên nhân chưa thực hiện: Do việc thực hiện kiến nghị không thuộc thẩm quyền của đơn vị.

*** Đối với kiến nghị:** Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam trong việc tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện hình thức đấu thầu hạn chế sai quy định và thẩm định dự án đầu tư xây dựng tuyến đường vành đai kinh tế T1 (nối QL1A với đường cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình tại Chằm Thị) không đảm bảo nguồn vốn thực hiện phải dừng thi công từ năm 2013 làm lãng phí nguồn vốn NSNN số tiền 103.134trđ.

Kết quả thực hiện: Tại các Hội nghị giao ban tháng, hội nghị sơ kết, tổng kết cơ quan; Sở Kế hoạch và đầu tư đã nghiêm chỉnh rút kinh nghiệm và nhắc nhở các phòng tham mưu thuộc Sở nâng cao chất lượng công tác thẩm định dự án, thẩm định kế hoạch đấu thầu; không trình phê duyệt đấu thầu hạn chế đối với các gói thầu không đúng quy định trừ trường hợp có văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. (Không có các biên bản trong cuộc họp, quyết định kiểm điểm để chứng minh).

(Chi tiết tại Phụ biểu số 07,08/THKN-NSĐP 2015 kèm theo)

III. Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán nông thôn mới giai đoạn 2010-2014 đến ngày 30/6/2018

1. Tổng hợp tình hình thực hiện kiến nghị xử lý về tài chính

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán	Số kiến nghị đã được điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Số kiến nghị đủ bằng chứng	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện	Tỷ lệ thực hiện %
	Tổng cộng	2.499.572.382		2.499.572.382	2.499.572.382		100%
B	Các khoản giảm chi	2.499.572.382		2.499.572.382	2.499.572.382		100%
I	Giảm chi đầu tư xây dựng	2.499.572.382		2.499.572.382	2.499.572.382		100%
1	Thu hồi nộp NSNN (chỉ sai chế độ)	98.581.326		98.581.326	98.581.326		100%
2	Giảm cấp phát, thanh toán (chỉ sai chế độ)	2.372.357.264		2.372.357.264	2.372.357.264		100%
3	Các khoản giảm chi khác	28.633.792		28.633.792	28.633.792		100%

(Chi tiết tại Phụ biểu số 03,06/THKN-NSDP 2014 kèm theo)

Tổng số kiến nghị đã thực hiện là: 2.499.572.382 đồng (giảm chi đầu tư xây dựng)

Tổng số kiến nghị chưa thực hiện là: 0 đồng

2. Các kiến nghị về công tác quản lý

2.1. Kiến nghị đã thực hiện: Không.

2.2. Kiến nghị đang thực hiện: Không.

2.3. Kiến nghị chưa thực hiện:

***Đối với kiến nghị:** Rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện quy hoạch chi tiết, đề án xây dựng NTM các xã; phân rõ nguồn vốn lồng ghép và trực tiếp trong đề án; lập kế hoạch và dự toán hàng năm và 5 năm về các dự án hỗ trợ sản xuất và ngành nghề nông thôn theo quy định.

Nguyên nhân chưa thực hiện: Do đơn vị chưa cấp hành nghiêm kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

*** Đối với kiến nghị:**

+ UBND thành phố Phủ lý thẩm định và phê duyệt đề án xây dựng NTM của 02 xã chưa được phê duyệt.

+ Trình HĐND thông qua Nghị quyết về mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc của chương trình NTM theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn

thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

+ UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện kiểm điểm, xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan (gắn với trách nhiệm cá nhân) trong việc đề phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Nguyên nhân chưa thực hiện: Do đơn vị chưa cấp hành nghiêm kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

III. Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán ngân sách địa phương năm 2013 đến ngày 30/6/2018

1. Kiến nghị xử lý tài chính

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi tiêu	Số kiến nghị kiểm toán	Số kiến nghị đã được điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Số kiến nghị đủ bằng chứng	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện	Tỷ lệ thực hiện %
	Tổng cộng	13.863.583.038		13.863.583.038	3.138.253.703	10.725.329.335	22,6%
A	Các khoản tăng thu	1.135.279.216		1.135.279.216		1.135.279.216	0%
I	Tăng thu ngân sách	1.135.279.216		1.135.279.216		1.135.279.216	0%
1	Tăng thu thuế nội địa	1.135.279.216		1.135.279.216		1.135.279.216	0%
1.1	Thuế GTGT	695.140.948		695.140.948		695.140.948	0%
1.2	Thuế TNDN	440.138.268		440.138.268		440.138.268	0%
B	Các khoản giảm chi	1.924.664.795		1.924.664.795	1.924.664.795		100%
I	Giảm chi thường xuyên	46.856.228		46.856.228	46.856.228		100%
1	Thu hồi nộp NSNN (chỉ sai chế độ)	9.402.780		9.402.780	9.402.780		100%
2	Giảm thanh toán, dự toán NSNN	37.453.448		37.453.448	37.453.448		100%
II	Giảm chi đầu tư xây dựng	1.877.808.567		1.877.808.567	1.877.808.567		100%
1	Thu hồi nộp NSNN (chỉ sai chế độ)	154.457.351		154.457.351	154.457.351		100%
2	Giảm cấp phát, thanh toán (chỉ sai chế độ)	769.645.953		769.645.953	769.645.953		100%
3	Giảm giá trị trúng thầu	953.705.263		953.705.263	953.705.263		100%
D	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN	10.803.639.027		10.803.639.027	1.213.588.908	9.590.050.119	11,2%

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán	Số kiến nghị đã được điều chỉnh tăng	Số kiến nghị đủ bằng chứng	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện	Tỷ lệ thực hiện %
1	Các khoản khác	10.803.639.027		10.803.639.027	1.213.588.908	9.590.050.119	11,2%

(Chi tiết tại Phụ biểu số 01,03,04,05,06/THKN-NSĐP 2013 kèm theo)

Tổng số kiến nghị đã thực hiện là: 3.138.253.703 đồng, trong đó: Giảm chi thường xuyên là: 46.856.228 đồng, Giảm chi đầu tư xây dựng là: 1.877.808.567 đồng, Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN là 1.213.588.908 đồng.

Tổng số kiến nghị chưa thực hiện là: 10.725.329.335 đồng, bao gồm:

- Tăng thu NSNN: 1.135.279.216đ (trong đó thuế GTGT 695.140.948đ, thuế TNDN 440.138.268đ).

- Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN: 9.590.050.119đ (các khoản khác). Nguyên nhân: do đơn vị chưa chấp hành nghiêm các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

IV. Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán ngân sách địa phương năm 2011 đến ngày 30/6/2018

Kiến nghị xử lý tài chính

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán	Số kiến nghị đã được điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Số kiến nghị đủ bằng chứng	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện	Tỷ lệ thực hiện %
	Tổng cộng	14.475.465.531		14.475.465.531	12.230.059.000	2.245.406.531	84,5%
A	Các khoản tăng thu	2.355.500.062		2.355.500.062	149.000.000	2.206.500.062	6,3%
I	Tăng thu ngân sách	2.355.500.062		2.355.500.062	149.000.000	2.206.500.062	6,3%
1	Tăng thu thuế nội địa	683.356.062		683.356.062	149.000.000	534.356.062	21,8%
1.1	Thuế GTGT	683.356.062		683.356.062	149.000.000	534.356.062	21,8%
2	Tăng thu phí, lệ phí	40.000.000		40.000.000		40.000.000	0%
3	Thu tiền sử dụng đất	1.632.144.000		1.632.144.000		1.632.144.000	0%
B	Các khoản giảm chi	734.706.000		734.706.000	734.706.000		100%
II	Giảm chi đầu tư xây dựng	734.706.000		734.706.000	734.706.000		100%
1	Thu hồi nộp NSNN (chi sai chế độ)	161.595.000		161.595.000	161.595.000		100%
2	Giảm cấp phát, thanh toán (chi sai chế độ)	573.111.000		573.111.000	573.111.000		100%

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán	Số kiến nghị đã được điều chỉnh tăng	Số kiến nghị đủ bằng chứng	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện	Tỷ lệ thực hiện %
D	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN	11.183.744.469		11.183.744.469	11.144.838.000	38.906.469	99,7%
1	Các khoản khác	11.183.744.469		11.183.744.469	11.144.838.000	38.906.469	99,7%
F	Các khoản chi không thuộc NSNN	201.515.000		201.515.000	201.515.000		100%
1	Các khoản phải nộp khác	201.515.000		201.515.000	201.515.000		100%

(Chi tiết tại Phụ biểu số 01,04,05,06,10/THKN-NSĐP 2011 kèm theo)

Tổng số kiến nghị đã thực hiện là: 12.230.059.000 đồng, trong đó: Tăng thu NSNN là: 149.000.000 đồng, Giảm chi đầu tư xây dựng là: 734.706.000 đồng, Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN là 11.144.838.000 đồng, Các khoản chi không thuộc NSNN là 201.515.000 đồng.

Tổng số kiến nghị chưa thực hiện là: 2.245.406.531 đồng, bao gồm:

- Tăng thu NSNN chưa thực hiện: 2.206.500.062 đ (trong đó thuế GTGT 534.356.062đ; tăng thu phí, lệ phí 40.000.000đ; thu tiền sử dụng đất 1.632.144.000đ) do:

+ Tăng thu phí, lệ phí 40.000.000đ: Sở Tài nguyên và Môi trường đã chấm dứt hiệu lực Giấy phép khai thác khoáng sản đối với 02 doanh nghiệp là Công ty Cổ phần Xi măng Kiện Khê và Công ty Cổ phần Nam Sông Hồng tại Thông báo số 209/TB-STN&MT ngày 11/5/2012; Tại Công văn số 50/STN&MT-KSN ngày 30/01/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường gửi Cục Thuế Hà Nam, theo đó Sở Tài nguyên và Môi trường không thu được số tiền 40.000.000đ của 02 đơn vị do chưa thực hiện khai thác khoáng sản theo Giấy phép cấp lại/gia hạn.

+ Tăng thu thuế GTGT: 534.356.062đ, trong đó tăng thu thuế GTGT của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Ngọc Việt (Chi cục thuế thành phố Phủ Lý quản lý), số tiền 352.456.062đ: Cơ quan thuế đã thực hiện nhiều biện pháp đôn đốc nhưng qua xác minh Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, cơ quan thuế đã ban hành Thông báo số 724/TB-CCT ngày 28/11/2016, nên khó khăn cho công tác thu hồi theo kiến nghị của KTNN.

+ Các khoản tăng thu khác (thuế GTGT: 181.900.000đ, thu tiền sử dụng đất: 1.632.144.000đ) do các đơn vị chưa chấp hành nghiêm các kết luận của KTNN.

- Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN: 38.906.469đ (các khoản khác) do đơn vị chưa chấp hành nghiêm các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

**IV. Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán ngân sách địa phương năm 2009
đến ngày 30/6/2018**

Kiến nghị xử lý tài chính

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán	Số kiến nghị đã được điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Số kiến nghị đủ bằng chứng	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện	Tỷ lệ thực hiện %
	Tổng cộng	19.095.148.056		19.095.148.056	8.914.791.313	10.180.356.743	46,7%
A	Các khoản tăng thu	573.312.204		573.312.204		573.312.204	0%
I	Tăng thu ngân sách	573.312.204		573.312.204		573.312.204	0%
1	Tăng thu thuế nội địa	573.312.204		573.312.204		573.312.204	0%
1.1	Thuế GTGT	573.312.204		573.312.204		573.312.204	0%
B	Các khoản giảm chi	142.849.689		142.849.689		142.849.689	0%
I	Giảm chi thường xuyên	142.849.689		142.849.689		142.849.689	0%
1	Giảm thanh toán, dự toán NSNN	142.849.689		142.849.689		142.849.689	0%
D	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN	18.111.089.463		18.111.089.463	8.646.894.613	9.464.194.850	47,7%
1	Thu hồi các khoản cho vay, tạm ứng sai quy định	6.413.000.000		6.413.000.000		6.413.000.000	0%
2	Xử lý nộp NSNN các khoản tạm thu, tạm giữ đã quá hạn	3.760.695.048		3.760.695.048	1.012.284.613	2.748.410.435	26,9%
3	Các khoản ghi thu - ghi chi qua NSNN	7.937.394.415		7.937.394.415	7.634.610.000	302.784.415	96,2%
G	Kiến nghị xử lý khác	267.896.700		267.896.700	267.896.700		100%

(Chi tiết tại Phụ biểu số 01,02,05,06/THKN-NSDP 2009 kèm theo)

Tổng số kiến nghị đã thực hiện là: 8.914.791.313 đồng, (Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN là 8.646.894.613 đồng).

Tổng số kiến nghị chưa thực hiện là: 10.180.356.743 đồng, bao gồm:

- Tăng thu NSNN: 573.312.204đ (thuế GTGT). Nguyên nhân: Theo báo cáo của Cục thuế do các đơn vị khó khăn về tài chính, có đơn vị hoạt động trong lĩnh vực

XDCB, khối lượng xây dựng hoàn thành chưa được chủ đầu tư thanh toán nên chưa nộp số tiền theo kết luận của của KTNN;

- Giảm chi thường xuyên: 142.849.689đ (giảm thanh toán, dự toán NSNN năm sau).

Nguyên nhân: Theo báo cáo của Sở Tài chính tỉnh Hà Nam, số kiến nghị này của KTNN không thực hiện được do đây là một số khoản thu của đơn vị phải trừ chi phí như học phí đào tạo lái xe ô tô và nguồn viện trợ cho đội bóng đá nữ không tính nguồn CCTL nên đơn vị khó thực hiện. Đối với khoản thu học phí đào tạo lái xe ô tô của Trường Cao đẳng Nghề Hà Nam, đây là khoản thu dịch vụ, về nguyên tắc phải trừ các khoản chi phí còn lại mới được tính nguồn làm lương (đơn vị đã tính đủ nguồn làm lương theo quy định); đối với nguồn kinh phí tài trợ cho đội bóng đá nữ năm 2009 của Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch đây là nguồn tài trợ (viện trợ) để chi hỗ trợ cho đội bóng, hỗ trợ thêm chế độ ăn, nghỉ cho các vận động viên bóng đá, thuê chuyên gia huấn luyện cho đội bóng, tăng cường thời gian tập luyện và làm các biển quảng cáo cho nhà tài trợ nên không thể trích 40% để thực hiện CCTL theo kiến nghị của KTNN.

Với những lý do nêu trên, tỉnh Hà Nam đề nghị KTNN nghiên cứu xem xét điều chỉnh nội dung này về đúng theo kiến nghị tại Công văn số 332/KTNN-TH ngày 03/11/2010 của KTNN là kiến nghị Sở Tài chính (năm 2009 không thực hiện kiểm toán huyện Bình Lục); xem xét chấp thuận cho tỉnh Hà Nam không phải thực hiện nội dung kiến nghị này.

- Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN: 9.464.194.850đ (*thu hồi các khoản cho vay, tạm ứng sai quy định: 6.413.000.000đ, xử lý nộp NSNN các khoản tạm thu, tạm giữ đã quá hạn: 2.748.410.435đ, các khoản ghi thu - ghi chi qua NSNN: 302.784.415đ*).

Nguyên nhân: do đơn vị chưa chấp hành nghiêm các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

C. Việc lãnh đạo, chỉ đạo của tập thể lãnh đạo, người đứng đầu trong việc chỉ đạo, điều hành thực hiện kiến nghị kiểm toán của KTNN; việc chấp hành thời gian báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của KTNN

Sau khi có kết luận của KTNN, thực hiện Công văn số 3178/UBND-KT ngày 03/11/2017 của UBND tỉnh Hà Nam về việc triển khai kế hoạch thực hiện Kết luận của Kiểm toán nhà nước gửi các đơn vị được kiểm toán để chỉ đạo các đơn vị thực hiện và báo cáo về việc thực hiện kiến nghị của KTNN, Sở Tài chính đã có Công văn số 2620/STC-QLNS ngày 20/11/2017 về việc thực hiện kiến nghị kiểm toán NSDP năm 2016; Công văn số 3368/UBND-KT ngày 21/11/2017 về việc đơn đốc, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2015 tại tỉnh Hà Nam; Công văn số 2846/STC-QLNS ngày 11/12/2017 của Sở Tài chính về việc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước khu vực I đối với kiểm toán NSDP năm 2015 và các năm trước, trong đó yêu cầu các đơn vị được kiểm toán thực hiện nghiêm túc các kết luận và

kiến nghị của KTNN và gửi báo cáo về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo KTNN khu vực I theo quy định.

Về việc chấp hành chế độ thời gian báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của KTNN: Sở Tài chính tỉnh Hà Nam đã gửi báo cáo việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN về KTNN khu vực I tại Báo cáo số 1071/STC-QLNS ngày 31/05/2018 về việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của KTNN về ngân sách địa phương năm 2015 và các năm trước; Báo cáo số 1072/STC-QLNS ngày 31/05/2018 về việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của KTNN về ngân sách địa phương năm 2016 tỉnh Hà Nam đảm bảo thời gian theo kết luận của KTNN.

D. Hệ thống mẫu biểu chi tiết thực hiện kiến nghị kiểm toán nhà nước từ năm 2016 trở về trước

1. Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2009: chi tiết theo phụ biểu số 01,02/THKN-NĐNS-2009 và 02 phụ biểu số 05,06/KNKT-NĐNS-2009.

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2011: chi tiết theo phụ biểu số 01,04/THKN-NĐNS-2011 và 02 phụ biểu số 05,06/KNKT-NĐNS-2011.

3. Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2013: chi tiết theo phụ biểu số 01,03,04/THKN-NĐNS-2013 và phụ biểu số 05/KNKT-NĐNS-2013.

4. Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2014: chi tiết theo phụ biểu số 06/KNKT-NĐNS-2014.

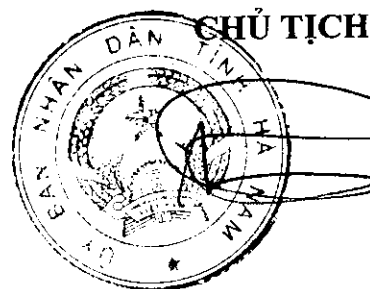
5. Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2015: chi tiết theo phụ biểu số 03,04,06,09/THKN-NĐNS-2015 và phụ biểu số 11/THKT-NĐNS-2015.

6. Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2016: chi tiết theo phụ biểu số 01,02,03,06,09/THKN-NĐNS-2016.

Trên đây là thông báo công khai tình hình thực hiện thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước kiểm toán ngân sách địa phương từ năm 2016 đến thời điểm 30/9/2018 của tỉnh Hà Nam để các đơn vị liên quan biết và thực hiện. /sp

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, TH (H, A);
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Xuân Đông

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM 2018 (NIÊN ĐỘ 2016)

(Kèm theo Thông báo số 26/TB-UBND ngày 17/10/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán	Số kiến nghị đã được điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Số kiến nghị đủ bằng chứng	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện	Tỷ lệ thực hiện %
NĂM 2016							
TỔNG CỘNG (A+B)		88.765.744.567	-	88.765.744.567	82.447.007.672	6.318.736.895	92,9%
A	Các khoản tăng thu ngân sách	22.630.438.737		22.630.438.737	17.669.801.020	4.960.637.717	78,1%
1	Thuế GTGT	2.377.098.038		2.377.098.038	1.680.443.836	696.654.202	70,7%
2	Thuế TNDN	7.876.427.414		7.876.427.414	3.614.857.065	4.261.570.349	45,9%
3	Thuế XNK						
4	Thuế TTĐB						
5	Thuế nhà, đất						
6	Thuế TNCN						
7	Thuế tài nguyên	36.955.200		36.955.200	36.955.200		
10	Phí, lệ phí	378.782.671		378.782.671	378.782.671	-	100%
13	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	11.961.175.414		11.961.175.414	11.958.762.248	2.413.166	99,98%
B	Các khoản giảm chi	66.135.305.830		66.135.305.830	64.777.206.652	1.358.099.178	97,9%
I	Giảm chi thường xuyên	17.587.476.773		17.587.476.773	17.587.476.773	0	100%
1	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	75.545.328		75.545.328	75.545.328	0	100%
2	Thu hồi cho vay, tạm ứng sai quy định						
3	Thu hồi kinh phí thừa	2.526.000.000		2.526.000.000	2.526.000.000	0	100%
4	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	13.258.691.345		13.258.691.345	13.258.691.345	0	100%
5	Chuyển quyết toán năm sau						
6	Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp						
7	Kiến nghị xử lý tài chính khác	1.727.240.100		1.727.240.100	1.727.240.100	0	100%
II	Giảm chi đầu tư xây dựng	48.547.829.057		48.547.829.057	47.189.729.879	1.358.099.178	97,2%
1	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	4.592.264.933		4.592.264.933	3.277.282.170	1.314.982.763	71,4%
2	Thu hồi cho vay, tạm ứng sai quy định						
3	Thu hồi kinh phí thừa	1.344.418.000		1.344.418.000	1.344.418.000	0	100%
4	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	26.453.611.715		26.453.611.715	26.446.548.865	7.062.850	99,97%
5	Chuyển quyết toán năm sau						
6	Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp						
7	Giảm giá trúng thầu, giá trị hợp đồng	2.667.928.605		2.667.928.605	2.667.928.605	0	100%
8	Kiến nghị xử lý tài chính khác	13.489.605.804		13.489.605.804	13.453.552.239	36.053.565	99,7%
C	Giảm lỗ	171.794.996		171.794.996	171.794.996	0	100%
D	Kiến nghị khác	711.922.828.882	13.320.678.559	698.602.150.323	363.447.434.350	335.154.715.973	52,0%

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM 2018

(Kèm theo thông báo số 36 /TB-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Tăng thu	Giảm chi thường xuyên	Giảm chi đầu tư	Ghi chú
	Tổng số (=I + II)					
	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 của tỉnh Hà Nam					
	Số KTNN kiến nghị (1)	88.765.744.567	22.630.438.737	17.587.476.773	48.547.829.057	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0	0	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0	0	0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4)=(1-2+3)	88.765.744.567	22.630.438.737	17.587.476.773	48.547.829.057	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	82.447.007.672	17.669.801.020	17.587.476.773	47.189.729.879	
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	6.318.736.895	4.960.637.717	0	1.358.099.178	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	92,88%	78,08%	100%	97,20%	
1	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Hà Nam					
	Số KTNN kiến nghị (1)	5.530.950.376			5.530.950.376	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0			0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0			0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4)=(1-2+3)	5.530.950.376			5.530.950.376	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	4.569.883.073			4.569.883.073	
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	961.067.303			961.067.303	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	82,6%			82,6%	
2	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Nam					
	Số KTNN kiến nghị (1)	1.693.289.268			1.693.289.268	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0			0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0			0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4)=(1-2+3)	1.693.289.268			1.693.289.268	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	1.296.257.393			1.296.257.393	
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	397.031.875			397.031.875	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	76,6%			76,6%	
3	Ban QLDA ĐTXD công trình thành phố Phủ Lý					

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Tăng thu	Giảm chi thường xuyên	Giảm chi đầu tư	Ghi chú
	Số KTNN kiến nghị (1)	15.979.527.561			15.979.527.561	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0			0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0			0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4)=(1-2+3)	15.979.527.561			15.979.527.561	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	15.979.527.561			15.979.527.561	
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0			0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%			100%	
4	Ban quản lý Khu đại học Nam Cao					
	Số KTNN kiến nghị (1)	3.116.439.463			3.116.439.463	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0			0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0			0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4)=(1-2+3)	3.116.439.463			3.116.439.463	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	3.116.439.463			3.116.439.463	
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0			0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%			100%	
5	Kiểm toán báo cáo tài chính của Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị trực thuộc					
	Số KTNN kiến nghị (1)	88.131.824	44.356.757	43.775.067		
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0	0		
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0	0		
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4)=(1-2+3)	88.131.824	44.356.757	43.775.067		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	88.131.824	44.356.757	43.775.067		
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0	0	0		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%	100%		
6	Kiểm toán tổng hợp chi thường xuyên (đợt 2)					
	Số KTNN kiến nghị (1)	9.744.648.555		8.400.230.555	1.344.418.000	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0		0	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0		0	0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4)=(1-2+3)	9.744.648.555		8.400.230.555	1.344.418.000	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	9.744.648.555		8.400.230.555	1.344.418.000	
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0		0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%		100%	100%	
7	Kiểm toán tổng hợp thu ngân sách					
	Số KTNN kiến nghị (1)	11.017.365.263	11.017.365.263			

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Tăng thu	Giảm chi thường xuyên	Giảm chi đầu tư	Ghi chú
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4)=(1-2+3)	11.017.365.263	11.017.365.263			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	6.255.781.910	6.255.781.910			
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.761.583.353	4.761.583.353			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	56,8%	56,8%			
8	KTNS huyện Bình Lục kết hợp kiểm toán CĐ Quản lý sử dụng quỹ lương đối với CCVC và người lao động					
	Số KTNN kiến nghị (1)	5.565.612.972	803.771.718	3.699.902.900	1.061.938.354	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0	0	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0	0	0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4)=(1-2+3)	5.565.612.972	803.771.718	3.699.902.900	1.061.938.354	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	5.565.612.972	803.771.718	3.699.902.900	1.061.938.354	
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0	0	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%	100%	100%	
9	KTNS huyện Lý Nhân kết hợp kiểm toán CĐ Quản lý sử dụng quỹ lương đối với CCVC và người lao động					
	Số KTNN kiến nghị (1)	8.203.737.832	4.934.622.892	829.123.918	2.439.991.022	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0	0	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0	0	0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4)=(1-2+3)	8.203.737.832	4.934.622.892	829.123.918	2.439.991.022	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	8.004.683.468	4.735.568.528	829.123.918	2.439.991.022	
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	199.054.364	199.054.364	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	97,6%	96,0%	100%	100%	
10	KTNS huyện Thanh Liêm kết hợp kiểm toán CĐ Quản lý sử dụng quỹ lương đối với CCVC và người lao động					
	Số KTNN kiến nghị (1)	13.819.576.440	5.830.322.107	4.614.444.333	3.374.810.000	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0	0	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0	0	0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4)=(1-2+3)	13.819.576.440	5.830.322.107	4.614.444.333	3.374.810.000	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	13.819.576.440	5.830.322.107	4.614.444.333	3.374.810.000	

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Tăng thu	Giảm chi thường xuyên	Giảm chi đầu tư	Ghi chú
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0	0	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%	100%	100%	
11	Tổ kiểm toán Chuyên đề giao đất có thu tiền sử dụng đất (gd2)					
	Số KTTN kiến nghị (1)	14.006.465.013			14.006.465.013	
	Số kiến nghị điều chỉnh giám (2)	0			0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0			0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4)=(1-2+3)	14.006.465.013			14.006.465.013	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	14.006.465.013			14.006.465.013	
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0			0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%			100%	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIỂM NGHIỆM TOÁN TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018 (THỰC HIỆN ĐẾN T6/2018)
 (Kèm theo thông báo số **10** TB-UBND ngày **12** tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

TT	Đơn vị được kiểm toán	Mã số thuế	Tổng số	Tổng cộng các khoản thuế	Chi tiết các khoản thuế										Thu khác	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế	
					GTGT	TNDN	XNK	TTDB	Nhà đất	TNCN	Tài nguyên	BVM T	Thuế khác	Phi, lệ phí					
1	NSDP năm 2016 tỉnh Hà Nam	3	4=5+6+7+8+9	5=5.1+...+5.9	GTGT	TNDN	XNK	TTDB	Nhà đất	TNCN	Tài nguyên	BVM T	Thuế khác	Phi, lệ phí	7	8	9	10	
	Số KTNN kiến nghị (1)		22.630.438.737	10.290.480.652	2.377.098.038	7.876.427.414					36.955.200			378.782.671			11.961.175.414		
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)		22.630.438.737	10.290.480.652	2.377.098.038	7.876.427.414					36.955.200			378.782.671			11.961.175.414		
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)		17.669.801.020	5.332.256.101	1.680.443.836	3.614.857.065					36.955.200			378.782.671			11.958.762.248		
	Số thực hiện của đơn vị (5)		4.960.637.717	4.958.224.551	696.654.202	4.261.570.349											2.413.166		
	Số chưa thực hiện (6=4-5)		78,1%	51,8%	70,7%	45,9%					100,0%			100,0%			99,98%		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%																		
	Đổi chiều tại Cục Thuế Hà Nam																		
	Số KTNN kiến nghị (1)		11.017.365.263	8.304.035.847	578.588.304	7.725.447.543								362.614.771			2.350.714.645		
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)		11.017.365.263	8.304.035.847	578.588.304	7.725.447.543								362.614.771			2.350.714.645		
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)		6.255.781.910	3.544.865.660	80.988.466	3.463.877.194								362.614.771			2.348.301.479		
	Số thực hiện của đơn vị (5)		4.761.583.353	4.759.170.187	497.599.838	4.261.570.349											2.413.166		
	Số chưa thực hiện (6=4-5)		56,8%	42,7%	14,0%	44,8%											99,9%		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%																		
1	Công ty Cổ phần Xi măng Thành Thăng Group	0700651198																	
	Số KTNN kiến nghị (1)		196.733.173	196.733.173		196.733.173													
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)		196.733.173	196.733.173		196.733.173													
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)		196.733.173	196.733.173		196.733.173													
	Số thực hiện của đơn vị (5)		-	0	0	0													
	Số chưa thực hiện (6=4-5)		100%	100%	100%	100%													
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%																		
2	Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hải Sơn - Tổng công ty 86	2700350821																	
	Số KTNN kiến nghị (1)		23.584.368	23.584.368		23.584.368													
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)		23.584.368	23.584.368		23.584.368													
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)		23.584.368	23.584.368		23.584.368													
	Số thực hiện của đơn vị (5)		23.584.368	23.584.368		23.584.368													
	Số chưa thực hiện (6=4-5)		-	0	0	0													
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%		100%	100%	100%	100%													
3	Công ty Cổ phần Vissai Hà Nam	0700507853																	
	Số KTNN kiến nghị (1)		745.273.520	382.658.749		382.658.749								362.614.771					
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)		745.273.520	382.658.749		382.658.749								362.614.771					
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)		745.273.520	382.658.749		382.658.749								362.614.771					
	Số thực hiện của đơn vị (5)		-	0	0	0								0					
	Số chưa thực hiện (6=4-5)		100%	100%	100%	100%								100%					
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%																		
4	Công ty Xây dựng Đồng Tâm	0700100017																	
	Số KTNN kiến nghị (1)																		

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Mã số thuế	Tổng số	Tổng cộng các khoản thuế	Chi tiết các khoản thuế								Thuế khác	Thu khác	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quý hoàn thuế
					GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà đất	TNCN	Tài nguyên	BVM T					
	Số KTNN kiến nghị (1)		44.356.757	44.356.757		42.023.969	2.332.788										
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)		-	-		-	-										
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)		-	-		-	-										
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)		44.356.757	44.356.757		42.023.969	2.332.788										
	Số thực hiện của đơn vị (5)		44.356.757	44.356.757		42.023.969	2.332.788										
	Số chưa thực hiện (6=4-5)		-	-		-	-										
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%		100%	100%		100%	100%										
1	Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường																
	Số KTNN kiến nghị (1)		42.023.969	42.023.969		42.023.969											
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)		-	-		-	-										
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)		-	-		-	-										
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)		42.023.969	42.023.969		42.023.969											
	Số thực hiện của đơn vị (5)		42.023.969	42.023.969		42.023.969											
	Số chưa thực hiện (6=4-5)		-	-		0	0										
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%		100%	100%		100%	100%										
2	Văn phòng Đăng ký đất đai																
	Số KTNN kiến nghị (1)		2.332.788	2.332.788		2.332.788											
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)		-	-		-	-										
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)		-	-		-	-										
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)		2.332.788	2.332.788		2.332.788											
	Số thực hiện của đơn vị (5)		2.332.788	2.332.788		2.332.788											
	Số chưa thực hiện (6=4-5)		-	-		0	0										
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%		100%	100%		100%	100%										

Ghi chú:

- Số KTNN kiến nghị (1): Số liệu kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị được kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán năm 2016 đã được KTNN phát hành và tổ chức công khai.
- Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2): Các số liệu kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị được kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán năm 2016 đã được KTNN phát hành nhưng không đủ bằng chứng hoặc không hợp lý, hợp pháp phải hủy bỏ (đã có ý kiến của Lãnh đạo KTNN từ Biên bản kiểm toán của tổ chức kiểm toán và tổ chức công khai sau khi điều chỉnh tăng, giảm số kiến nghị).
- Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3): Các số liệu kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị được kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán năm 2016 đã được KTNN phát hành nhưng không đủ bằng chứng bắt buộc được bổ sung điều chỉnh từ chỉ tiêu khác hoặc không đầy đủ do tổng hợp thiếu từ Biên bản kiểm toán của tổ chức kiểm toán (đã có ý kiến của Lãnh đạo KTNN bằng văn bản).
- Số kiến nghị đủ bằng chứng (4): Các số liệu kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị được kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán năm 2016 đã được KTNN phát hành và tổ chức công khai sau khi điều chỉnh tăng, giảm số kiến nghị.
- Số thực hiện của đơn vị (5): Số tiền trên các chứng từ thực hiện kiến nghị kiểm toán (gồm: Giấy nộp tiền vào NSNN; các Quyết định điều chỉnh quyết toán, dự toán, giảm thanh toán...; các bảng kê khai thuế, tờ khai thuế...) được ghi theo số liệu tại các Báo cáo kiểm tra thực hiện kiến nghị đã được phát hành.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN GIÁM CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2018
(Kèm theo thông báo số 86 /TB-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giám thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
			4	5	6	7	8	
1	2	3=4+...+10						10
	Tổng cộng (1+2+...)							
	Số KTNN kiến nghị (1)	17.587.476.773	75.545.328		2.526.000.000	13.258.691.345		1.727.240.100
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	-		-	-		-
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	-		-	-		-
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	17.587.476.773	75.545.328		2.526.000.000	13.258.691.345		1.727.240.100
	Số thực hiện của đơn vị (5)	17.587.476.773	75.545.328		2.526.000.000	13.258.691.345		1.727.240.100
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-	-		-	-		-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%		100%	100%		100%
1	Sở Tài chính Hà Nam							
	Số KTNN kiến nghị (1)	2.526.000.000			2.526.000.000			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-						
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-						
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	2.526.000.000			2.526.000.000			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	2.526.000.000			2.526.000.000			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-			-			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%			100%			
2	Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị trực thuộc							
	Số KTNN kiến nghị (1)	746.000.000				746.000.000		
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-						
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-						
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	746.000.000				746.000.000		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	746.000.000				746.000.000		
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%		
3	Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc							

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giám dự toán, giám thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Số KTNN kiến nghị (1)	4.577.444.000				4.577.444.000		
	Số kiến nghị điều chỉnh giám (2)	-						
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-						
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	4.577.444.000				4.577.444.000		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	4.577.444.000				4.577.444.000		
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%		
4	Đài Phát thanh và Truyền hình							
	Số KTNN kiến nghị (1)	162.494.582				162.494.582		
	Số kiến nghị điều chỉnh giám (2)	-						
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-						
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	162.494.582				162.494.582		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	162.494.582				162.494.582		
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%		
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông							
	Số KTNN kiến nghị (1)	388.291.973				388.291.973		
	Số kiến nghị điều chỉnh giám (2)	-						
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-						
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	388.291.973				388.291.973		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	388.291.973				388.291.973		
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%		
6	Sở Tài nguyên & Môi trường							
	Số KTNN kiến nghị (1)	43.775.067	30.651.007			3.732.460		9.391.600
	Số kiến nghị điều chỉnh giám (2)	-	-			-		-
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	-			-		-
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	43.775.067	30.651.007			3.732.460		9.391.600
	Số thực hiện của đơn vị (5)	43.775.067	30.651.007			3.732.460		9.391.600
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-	-			-		-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%			100%		100%
6.1	Văn phòng Sở							
	Số KTNN kiến nghị (1)	40.042.607	30.651.007					9.391.600

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-						
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-						9.391.600
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	40.042.607	30.651.007					9.391.600
	Số thực hiện của đơn vị (5)	40.042.607	30.651.007					-
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-	-					100%
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%					
6.2	Văn phòng Đăng ký đất đai							
	Số KTTN kiến nghị (1)	3.732.460				3.732.460		
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				0		
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				0		
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	3.732.460				3.732.460		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	3.732.460				3.732.460		
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%		
7	Huyện Thanh Liêm							
	Số KTTN kiến nghị (1)	4.614.444.333				3.971.466.433		642.977.900
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				-		-
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				-		-
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	4.614.444.333				3.971.466.433		642.977.900
	Số thực hiện của đơn vị (5)	4.614.444.333				3.971.466.433		642.977.900
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-		-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%		100%
7.1	Xã Thanh Tân							
	Số KTTN kiến nghị (1)	215.190.000						215.190.000
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-						
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-						
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	215.190.000						215.190.000
	Số thực hiện của đơn vị (5)	215.190.000						215.190.000
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-						-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%						100%
7.2	Xã Thanh Nghị							
	Số KTTN kiến nghị (1)	34.541.900						34.541.900
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-						

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-						
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	34.541.900						34.541.900
	Số thực hiện của đơn vị (5)	34.541.900						34.541.900
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-						-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%						100%
7.3	Xã Liêm Thuận							
	Số KTTN kiến nghị (1)	282.674.000						282.674.000
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-						
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-						
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	282.674.000						282.674.000
	Số thực hiện của đơn vị (5)	282.674.000						282.674.000
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-						-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%						100%
7.4	Xã Thanh Hương							
	Số KTTN kiến nghị (1)	110.572.000						110.572.000
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-						
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-						
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	110.572.000						110.572.000
	Số thực hiện của đơn vị (5)	110.572.000						110.572.000
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-						-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%						100%
7.5	Phòng Tài chính - Kế hoạch							
	Số KTTN kiến nghị (1)	97.675.684				97.675.684		
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-						
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-						
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	97.675.684				97.675.684		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	97.675.684				97.675.684		
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-						-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%		100%
7.6	Huyện Thanh Liêm							
	Số KTTN kiến nghị (1)	3.770.889.749				3.770.889.749		
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-						
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-						

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	3.770.889.749				3.770.889.749		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	3.770.889.749				3.770.889.749		
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%		
7.7	Xã Thanh Thủy							
	Số KTNN kiến nghị (1)	102.901.000				102.901.000		
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				-		
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				-		
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	102.901.000				102.901.000		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	102.901.000				102.901.000		
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%		
8	Huyện Lý Nhân							
	Số KTNN kiến nghị (1)	829.123.918	44.894.321			494.817.897		289.411.700
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	-			-		-
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	-			-		-
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	829.123.918	44.894.321			494.817.897		289.411.700
	Số thực hiện của đơn vị (5)	829.123.918	44.894.321			494.817.897		289.411.700
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-	-			-		-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%			100%		100%
8.1	Hợp tác xã Đồng Thủy							
	Số KTNN kiến nghị (1)	29.816.961	29.816.961					
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				-		
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				-		
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	29.816.961	29.816.961					
	Số thực hiện của đơn vị (5)	29.816.961	29.816.961					
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-	-			-		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%			100%		
8.2	Hợp tác xã Nhân Phúc							
	Số KTNN kiến nghị (1)	15.077.360	15.077.360					
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				-		
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				-		
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	15.077.360	15.077.360					

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu bồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Số thực hiện của đơn vị (5)	15.077.360	15.077.360					
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-	-					
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%					
8.3	Phòng Tài chính - Kế hoạch							
	Số KTNN kiến nghị (1)	618.912.220				469.721.220		149.191.000
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				0		0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				0		0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	618.912.220				469.721.220		149.191.000
	Số thực hiện của đơn vị (5)	618.912.220				469.721.220		149.191.000
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-		-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%			100%		100%
8.4	Thị trấn Vĩnh Trụ							
	Số KTNN kiến nghị (1)	147.079.700				6.859.000		140.220.700
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				0		0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				0		0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	147.079.700				6.859.000		140.220.700
	Số thực hiện của đơn vị (5)	147.079.700				6.859.000		140.220.700
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-		-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%			100%		100%
8.5	Xã Bắc Lý							
	Số KTNN kiến nghị (1)	18.237.677				18.237.677		
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				0		
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				0		
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	18.237.677				18.237.677		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	18.237.677				18.237.677		
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-		-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%			100%		100%
9	Huyện Bình Lục							
	Số KTNN kiến nghị (1)	3.699.902.900				2.914.444.000		785.458.900
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				-		-
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				-		-
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	3.699.902.900				2.914.444.000		785.458.900

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Số thực hiện của đơn vị (5)	3.699.902.900				2.914.444.000		785.458.900
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-		-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%		100%
9.1	Phòng Kinh tế - Hạ tầng							
	Số KTNN kiến nghị (1)	17.097.000						17.097.000
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-						-
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-						-
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	17.097.000						17.097.000
	Số thực hiện của đơn vị (5)	17.097.000						17.097.000
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-						-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%						100%
9.2	Xã Bò Đè, An Đô, La Sơn							
	Số KTNN kiến nghị (1)	760.307.900						760.307.900
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-						-
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-						-
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	760.307.900						760.307.900
	Số thực hiện của đơn vị (5)	760.307.900						760.307.900
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-						-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%						100%
9.3	Xã An Mỹ							
	Số KTNN kiến nghị (1)	8.054.000						8.054.000
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-						-
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-						-
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	8.054.000						8.054.000
	Số thực hiện của đơn vị (5)	8.054.000						8.054.000
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-						-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%						100%
9.4	Phòng Tài chính - Kế hoạch							
	Số KTNN kiến nghị (1)	2.914.444.000				2.914.444.000		
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				-		-
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				-		-
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	2.914.444.000				2.914.444.000		

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Số thực hiện của đơn vị (5)	2.914.444.000				2.914.444.000		
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%		

Ghi chú:

- Số KTNN kiến nghị (1)** : Số liệu kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị được kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán năm 2016 đã được KTNN phát hành và tổ chức công khai;
- Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)** : Các số liệu kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị được kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán năm 2016 đã được KTNN phát hành nhưng không đủ bằng chứng hoặc không hợp lý, hợp pháp phải hủy bỏ (đã có ý kiến của Lãnh đạo KTNN bằng văn bản) hoặc số liệu phải điều chuyển sang chỉ tiêu khác do tổng hợp không đúng bản chất; hoặc do tổng hợp nhằm từ Biên bản kiểm toán của tổ kiểm toán;
- Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)** : Các số liệu kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị được kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán năm 2016 đã được KTNN phát hành nhưng không đúng bản chất được bổ sung điều chỉnh từ chỉ tiêu khác hoặc không đầy đủ do tổng hợp thiếu từ Biên bản kiểm toán của tổ kiểm toán (đã có ý kiến của Lãnh đạo KTNN bằng văn bản);
- Số kiến nghị đủ bằng chứng (4)** : Các số liệu kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị được kiểm toán năm 2016 đã được KTNN phát hành và tổ chức công khai sau khi điều chỉnh tăng, giảm số kiến nghị.
- Số thực hiện của đơn vị (5)** : Số tiền trên các chứng từ thực hiện kiến nghị kiểm toán (gồm: Giấy nộp tiền vào NSNN; các Quyết định điều chỉnh quyết toán, dự toán, giám thanh toán...; các bảng kê khai thuế, tờ khai thuế...) được ghi theo số liệu tại các Báo cáo kiểm tra thực hiện kiến nghị đã được phát hành.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN GIÁM CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2018
(Kèm theo thông báo số 15 /TB-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giám dự toán, giám thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Giảm giá dự toán, giá trị hợp đồng	Kiến nghị xử lý tài chính khác
I	2	3=4+...+10	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng số (= I+II)								
	Đoàn KTNS tỉnh Hà Nam 2016								
	Số KTTN kiến nghị (1)	48.547.829.057	4.592.264.933		1.344.418.000	26.453.611.715		2.667.928.605	13.489.605.804
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	-		-	-		-	-
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	-		-	-		-	-
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	48.547.829.057	4.592.264.933		1.344.418.000	26.453.611.715		2.667.928.605	13.489.605.804
	Số thực hiện của đơn vị (5)	47.189.729.879	3.277.282.170		1.344.418.000	26.446.548.865		2.667.928.605	13.453.552.239
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	1.358.099.178	1.314.982.763		-	7.062.850		-	36.053.565
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	97,2%	71,4%		100%	100%		100%	99,7%
I	KBNN Hà Nam								
	Số KTTN kiến nghị (1)	1.344.418.000			1.344.418.000				
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-			0				
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-			0				
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	1.344.418.000			1.344.418.000				
	Số thực hiện của đơn vị (5)	1.344.418.000			1.344.418.000				
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-			-				
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%			100%				
2	Huyện Thanh Liêm								
	Số KTTN kiến nghị (1)	3.374.810.000				1.809.676.000		1.057.665.000	507.469.000
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				-		-	-
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				-		-	-
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	3.374.810.000				1.809.676.000		1.057.665.000	507.469.000
	Số thực hiện của đơn vị (5)	3.374.810.000				1.809.676.000		1.057.665.000	507.469.000
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-		-	-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%		100%	100%

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Giảm giá dự toán, giá trị hợp đồng	Kiến nghị xử lý tài chính khác
2.1	Dự án Xây dựng đơn nguyên nhà làm việc kết hợp phòng họp Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện Thanh Liêm								
	Số KTNN kiến nghị (1)	287.079.000				287.079.000			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)								
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)								
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	287.079.000				287.079.000			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	287.079.000				287.079.000			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%			
2.2	Dự án: Đầu tư xây dựng đường kết nối hạ tầng xung quanh và hoàn trả kênh mương bị ảnh hưởng khi thực hiện DAXD cơ sở 2 - Bệnh viện Bạch Mai (giai đoạn 1)								
	Số KTNN kiến nghị (1)	886.788.000				886.788.000			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)								
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)								
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	886.788.000				886.788.000			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	886.788.000				886.788.000			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%			
2.3	Dự án: Đầu tư xây dựng san nền, hạ tầng kỹ thuật mở rộng cụm Công nghiệp Kien Khê I (phần thực hiện giai đoạn I)								
	Số KTNN kiến nghị (1)	635.809.000				635.809.000			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)								
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)								
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	635.809.000				635.809.000			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	635.809.000				635.809.000			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%			

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giám thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Giảm giá dự toán, giá trị hợp đồng	Kiến nghị xử lý tài chính khác
2.4	Dự án: Đầu tư xây dựng đường kết nối hạ tầng xung quanh và hoàn thiện DAXD cơ sở 2 - Bệnh viện Bạch Mai (giai đoạn II)	1.004.145.000						496.676.000	507.469.000
	Số KTTN kiến nghị (1)							-	-
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)							-	0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)							-	-
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	1.004.145.000						496.676.000	507.469.000
	Số thực hiện của đơn vị (5)	1.004.145.000						496.676.000	507.469.000
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-						-	-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%						100%	100%
2.5	Dự án: Đầu tư xây dựng san nền, hạ tầng kỹ thuật mở rộng cụm Công nghiệp Kiện Khê I								
	Số KTTN kiến nghị (1)	560.989.000						560.989.000	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-						-	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-						-	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	560.989.000						560.989.000	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	560.989.000						560.989.000	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-						-	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%						100%	
3	Huyện Lý Nhân								
	Số KTTN kiến nghị (1)	2.439.991.022				2.296.995.752		142.995.270	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				-		-	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				-		-	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	2.439.991.022				2.296.995.752		142.995.270	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	2.439.991.022				2.296.995.752		142.995.270	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-		-	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%		100%	
3.1	Dự án Đường cứu hộ, cứu nạn xã Chân Lý huyện Lý Nhân (GDI)								
	Số KTTN kiến nghị (1)	708.066.533				708.066.533			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				0			

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Giảm giá trị hợp đồng	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				0			
	Số kiến nghị đi bằng chứng (4=1-2+3)	708.066.533				708.066.533			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	708.066.533				708.066.533			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%			
3.2	Dự án: Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường huyện ĐH II huyện Lý Nhân tuyến Lam Cầu - Chợ Chanh								
	Số KTNN kiến nghị (1)	405.329.908				405.329.908			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	405.329.908				405.329.908			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	405.329.908				405.329.908			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%			
3.3	Dự án: Đầu tư XD Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.04 (Tuyến Dốc Lưu - Chợ Quán)								
	Số KTNN kiến nghị (1)	1.326.594.581				1.183.599.311	142.995.270		
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				0	0		
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				0	0		
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	1.326.594.581				1.183.599.311	142.995.270		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	1.326.594.581				1.183.599.311	142.995.270		
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-	-		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%	100%		
4	Huyện Bình Lục								
	Số KTNN kiến nghị (1)	1.061.938.354	39.643.000			548.329.930	473.965.424		
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	-			-	-		
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	-			-	-		
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	1.061.938.354	39.643.000			548.329.930	473.965.424		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	1.061.938.354	39.643.000			548.329.930	473.965.424		
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-	-			-	-		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%			100%	100%		

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Giảm giá dự toán, giá trị hợp đồng	Kiến nghị xử lý tài chính khác
4.1	Dự án: Cải tạo, sửa chữa đường ĐH.02 huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đoạn từ Km 0+00 (giáp đường ĐT496) đến Km 3+800								
	Số KTNN kiến nghị (1)	39.643.000	39.643.000						
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	-						
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	-						
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	39.643.000	39.643.000						
	Số thực hiện của đơn vị (5)	39.643.000	39.643.000						
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-	-						
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%						
4.2	Dự án: Xây dựng trụ sở nhà làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Trung Lương+B26								
	Số KTNN kiến nghị (1)	67.160.717	67.160.717						
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	-						
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	-						
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	67.160.717	67.160.717						
	Số thực hiện của đơn vị (5)	67.160.717	67.160.717						
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-	-						
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%						
4.3	Dự án: Đầu tư xây dựng Trường THPT Nguyễn Khuyến, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam								
	Số KTNN kiến nghị (1)	471.045.637	471.045.637						
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	-						
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	-						
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	471.045.637	471.045.637						
	Số thực hiện của đơn vị (5)	471.045.637	471.045.637						
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-	-						
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%						
4.4	Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đê hữu sông Sắt đoạn từ đập An Bài đến Vĩnh Tứ, Hà Nam								
	Số KTNN kiến nghị (1)	12.946.424	12.946.424						
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0						
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0						
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	12.946.424	12.946.424						
	Số thực hiện của đơn vị (5)	12.946.424	12.946.424						
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-	-						
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%						

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Giảm giá dự toán, giá trị hợp đồng	Kiểm nghị xử lý tài chính khác
	Số KTNN kiến nghị (1)	484.089.000				23.070.000		461.019.000	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				0		0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				0		0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	484.089.000				23.070.000		461.019.000	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	484.089.000				23.070.000		461.019.000	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-		-	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%		100%	
5	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh Hà Nam (Sở Giao thông)								
	Số KTNN kiến nghị (1)	5.530.950.376	1.005.389.176			4.525.561.200			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	-			-			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	-			-			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	5.530.950.376	1.005.389.176			4.525.561.200			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	4.569.883.073	51.384.723			4.518.498.350			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	961.067.303	954.004.453			7.062.850			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	82,6%	5,1%			99,8%			
5.1	Dự án: Nâng cấp các tuyến đường ĐT.978, ĐT.979, ĐT.9028, ĐT.9032 và nhánh nối ĐT.9028 với ĐT.9029 thuộc quy hoạch nâng cấp cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai vùng phân lũ sông Đáy, tỉnh Hà Nam.								
	Số KTNN kiến nghị (1)	1.021.546.003	954.004.453			67.541.550			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	0			0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	0			0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	1.021.546.003	954.004.453			67.541.550			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	60.478.700	-			60.478.700			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	961.067.303	954.004.453			7.062.850			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	5,9%	0%			89,5%			
5.2	Dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐT 496, Bình Lục (Giai đoạn 1).								
	Số KTNN kiến nghị (1)	4.509.404.373	51.384.723			4.458.019.650			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	0			0			

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Giảm giá dự toán, giá trị hợp đồng	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	0			0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	4.509.404.373	51.384.723			4.458.019.650			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	4.509.404.373	51.384.723			4.458.019.650			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-	-			-			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%			100%			
6	Ban quản lý Khu Đại học Nam Cao								
	Số KTNN kiến nghị (1)	3.116.439.463				711.323.211		223.362.911	2.181.753.341
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				-		-	-
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				-		-	-
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	3.116.439.463				711.323.211		223.362.911	2.181.753.341
	Số thực hiện của đơn vị (5)	3.116.439.463				711.323.211		223.362.911	2.181.753.341
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-		-	-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%		100%	100%
6.1	Dự án đầu tư xây dựng đường Lê Công Thanh, giai đoạn 3								
	Số KTNN kiến nghị (1)	2.500.670.395				147.585.640		171.331.414	2.181.753.341
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				0		-	-
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				0		-	-
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	2.500.670.395				147.585.640		171.331.414	2.181.753.341
	Số thực hiện của đơn vị (5)	2.500.670.395				147.585.640		171.331.414	2.181.753.341
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-		-	-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%		100%	100%
6.2	Dự án đầu tư xây dựng nhà tang ký thuật Khu Đại học Nam Cao, giai								
	Số KTNN kiến nghị (1)	615.769.068				563.737.571		52.031.497	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				0		-	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				0		-	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	615.769.068				563.737.571		52.031.497	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	615.769.068				563.737.571		52.031.497	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-		-	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%		100%	
7	BQLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT tỉnh Hà Nam								
	Số KTNN kiến nghị (1)	1.693.289.268	360.978.310			526.317.393		769.940.000	36.053.565
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	-			-		-	-

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Giảm giá dự toán, giá trị hợp đồng	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	-			-		-	-
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	1.693.289.268	360.978.310			526.317.393		769.940.000	36.053.565
	Số thực hiện của đơn vị (5)	1.296.257.393	-			526.317.393		769.940.000	-
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	397.031.875	360.978.310			-		-	36.053.565
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	76,6%	0%			100,0%		100%	0%
7.1	Xây dựng CSHT vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Mộc Bắc								
	Số KTTN kiến nghị (1)	391.289.703	11.780.310			379.509.393			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	391.289.703	11.780.310			379.509.393			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	379.509.393				379.509.393			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	11.780.310	11.780.310			-			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	97%	0%			100%			
7.2	Nạo vét sông Sắt đoạn từ cầu Sắt đến đập Mỹ Đô tỉnh Hà Nam								
	Số KTTN kiến nghị (1)	385.251.565	349.198.000						36.053.565
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	0						-
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	0						-
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	385.251.565	349.198.000						36.053.565
	Số thực hiện của đơn vị (5)	-							
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	385.251.565	349.198.000						36.053.565
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%						0%
7.3	Dự án đầu tư xử lý khẩn cấp chống sạt lở và tu bổ, nâng cấp tuyến đê tả sông Đáy đoạn từ K88 đến K137+516 tỉnh Hà Nam								
	Số KTTN kiến nghị (1)	916.748.000				146.808.000		769.940.000	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				0		-	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				0		-	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	916.748.000				146.808.000		769.940.000	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	916.748.000				146.808.000		769.940.000	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-				-		-	

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Giảm giá dự toán, giá trị hợp đồng	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%		100%	
8	Ban QLDA ĐTXD công trình Thành phố Phú Lý								
	Số KTNN kiến nghị (1)	15.979.527.561	3.186.254.447	-		2.028.943.216			10.764.329.898
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	-	-		-			-
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	-	-		-			-
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	15.979.527.561	3.186.254.447			2.028.943.216			10.764.329.898
	Số thực hiện của đơn vị (5)	15.979.527.561	3.186.254.447			2.028.943.216			10.764.329.898
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-	-			-			-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100,00%	100,0%			100,00%			100,00%
8.1	Dự án xử lý khẩn cấp sạt lở bờ kết hợp chỉnh trang đô thị đoạn thượng lưu công Phú Lý từ cầu Phú Lý qua QL1A đến công xã trạm bơm Mễ								
	Số KTNN kiến nghị (1)	11.979.723.586	2.306.640.554			65.962.287			9.607.120.745
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	0			0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	0			0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	11.979.723.586	2.306.640.554			65.962.287			9.607.120.745
	Số thực hiện của đơn vị (5)	11.979.723.586	2.306.640.554			65.962.287			9.607.120.745
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-	-			-			-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100,0%	100,0%			100%			100%
8.2	Dự án San nền, HTKT Cụm công nghiệp Kien Khê I mở rộng								
	Số KTNN kiến nghị (1)	1.583.998.484	6.470.360			1.577.528.124			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	0			0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	0			0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	1.583.998.484	6.470.360			1.577.528.124			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	1.583.998.484	6.470.360			1.577.528.124			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-	-			-			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100,0%	100%			100%			
8.3	Dự án HTKT khu ĐDC phục vụ GPMB đường Lê Công thanh GD3								
	Số KTNN kiến nghị (1)	178.605.301				178.605.301			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				0			

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Giảm giá dự toán, giá trị hợp đồng	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Số KTTN kiến nghị (1)	1.344.711.028				1.344.711.028			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-				0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-				0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	1.344.711.028				1.344.711.028			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	1.344.711.028				1.344.711.028			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0				0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%			

Ghi chú:

1. Số KTTN kiến nghị (1) : Số liệu kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị được kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán năm 2016 đã được KTTNN phát hành và tổ chức công khai;
Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2) : Các số liệu kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị được kiểm toán năm 2016 đã được KTTNN phát hành nhưng không đủ
2. bằng chứng hoặc không hợp lý, hợp pháp phải hủy bỏ (đã có ý kiến của Lãnh đạo KTTNN bằng văn bản) hoặc số liệu phải điều chuyển sang chỉ tiêu khác do tổng hợp không đúng bản chất; hoặc do tổng hợp nhầm từ Biên bản kiểm toán của tổ kiểm toán;
3. Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3) : Các số liệu kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị được kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán năm 2016 đã được KTTNN phát hành nhưng không đúng bản chất được bổ sung điều chỉnh từ chỉ tiêu khác hoặc không đầy đủ do tổng hợp thiếu từ Biên bản kiểm toán của tổ kiểm toán (đã có ý kiến của Lãnh đạo KTTNN bằng văn bản);
4. Số kiến nghị đủ bằng chứng (4) : Các số liệu kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị được kiểm toán năm 2016 đã được KTTNN phát hành và tổ chức công khai sau khi điều chỉnh tăng, giảm số kiến nghị.
5. Số thực hiện của đơn vị (5) : Số tiền trên các chứng từ thực hiện kiến nghị kiểm toán (gồm: Giấy nộp tiền vào NSNN; các Quyết định điều chỉnh quyết toán, dự toán, giám thanh toán...; các bảng kê khai thuế, tờ khai thuế...) được ghi theo số liệu tại các Báo cáo kiểm tra thực hiện kiến nghị đã được phát hành.

UBND TỈNH HÀ NAM

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ KHÁC NĂM 2016

Tại tỉnh Hà Nam

(Kèm theo thông báo số 16/TB-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị/chi tiêu	Số KTNN kiến nghị	Điều chỉnh giám	Số thực hiện	Số chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
I	2	3				4	5
	Tổng số	711.922.828.882	13.320.678.559	363.447.434.350	335.154.715.973		
I	Đơn đốc thu nộp NSNN các khoản phải thu	19.125.069.804	168.558.250	4.808.490.472	14.148.021.082		
1	Huyện Thanh Liêm	8.072.021.794	168.558.250	3.724.367.260	4.179.096.284	- Kiểm toán tổng hợp tại Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện Thanh Liêm: Phải thu tiền sử dụng đất đến 25/6/2017 chưa thu được để nộp NSNN là 7.898.407.544đ gồm phải thu tiền sử dụng đất theo thông tri 25-TT/TU ngày 10/7/2003 của Tỉnh ủy Hà Nam và Kế hoạch số 566/KH-UB của UBND tỉnh Hà Nam ngày 05/8/2003 là 3.332.844.250đ; phải thu tiền sử dụng đất đầu giá là 4.565.563.294đ (đã bao gồm thi trấn Kiến Khê và xã Thanh Thủy). - Xã Thanh Thủy - huyện Thanh Liêm: 173.614.250đ (Các khoản phải thu nhưng xã chưa thu để nộp NSNN: 173.614.250đ; gồm: Phải thu phí chợ Lương: 5.056.000đ; phải thu tiền hợp pháp hóa đất: 168.558.250đ)	Đã điều chỉnh số kiến nghị 168.558.250đ do tổng hợp trung tại mục 1
2	Huyện Bình Lục	11.053.048.010		1.084.123.212	9.968.924.798	- Xã Bô Đê: Quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản của các hộ khoán thầu còn nợ 266.305.810đ; Số tiền phải thu của dân chưa nộp theo phương án xử lý đất sau đo đạc 9.766.037.000đ; - Xã An Mỹ: Quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản của các hộ khoán thầu còn nợ 74.317.000đ; Số tiền phải thu của dân chưa nộp theo phương án xử lý đất sau đo đạc 946.388.200đ.	
II	Theo dõi và quản lý nguồn cải cách tiền lương theo quy định	6.746.981.158		6.746.981.158	0		
1	Huyện Thanh Liêm	713.853.158		713.853.158	0	Kiểm toán tổng hợp tại Phòng Tài chính- Kế hoạch: - Quyết toán quỹ tiền lương của một số xã, thị trấn giảm so với dự toán do chưa sử dụng đã chuyển nguồn NS cấp xã 188.353.158đ. - Các xã còn chưa xác định và chuyển nguồn 50% tăng thu (TH 2016)/DT huyện giao 2016) để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 525.500.000đ; gồm: xã Thanh Lưu: 70.500.000đ; xã Thanh Hải: 38.500.000đ; xã Thanh Hà: 151.500.000đ; xã Thanh Tâm: 93.000.000đ; xã Thanh Nghị: 84.500.000đ; xã Liêm Thuận: 87.500.000đ.	

TT	Đơn vị/ chỉ tiêu	Số KTNN kiến nghị	Điều chỉnh giảm	Số thực hiện	Số chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
2	Huyện Lý Nhân	5.449.000.000		5.449.000.000	0	Phòng Tài chính Kế hoạch chênh lệch giữa quỹ lương được cấp và quỹ lương quyết toán 1.032.000.000đ; Phòng TCKH dùng nguồn CCTL chi lương lao động hợp đồng và cho nội dung khác (đã trừ TT Vĩnh Trụ, Bắc Lý 4.072.307.896đ; Thị trấn Vĩnh Trụ dùng nguồn CCTL chi cho nội dung khác 299.392.781đ; Xã Bắc Lý dùng nguồn CCTL chi nội dung khác 45.299.323đ.	
3	Huyện Bình Lục	584.128.000		584.128.000	0	Kiểm toán tổng hợp tại Phòng TC- KH: Chênh lệch Quỹ lương quyết toán và dự toán	
III	Bộ Tài chính xử lý dứt điểm các khoản ứng và tạm ứng từ sách trung ương cho NSDP	46.100.000.000		0	46.100.000.000	Ứng và tạm ứng từ sách trung ương cho tỉnh Hà Nam từ năm 2015 trở về trước chưa được xử lý là: 254.832trđ (Năm 2008: 40.000trđ; năm 2009: 4.832trđ; năm 2010: 40.000trđ; năm 2012: 60.000trđ; năm 2013: 90.000trđ; năm 2014: 20.000trđ). Theo giải trình của UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch đã có kế hoạch thu hồi 208.732 triệu đồng tại Quyết định 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 về việc giao chỉ tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020; chưa có kế hoạch thu hồi: 46.100trđ	
IV	Bộ Tài chính và UBND tỉnh Hà Nam chỉ đạo kiểm tra xử lý dứt điểm theo quy định số dư một số tài khoản tại KBNN Hà Nam	132.171.558.200		0	132.171.558.200	Số dư một số tài khoản từ năm 2009 trở về trước nhưng đến nay chưa được xử lý và Kho bạc Nhà nước Hà Nam chưa cung cấp được hồ sơ liên quan đến các tài khoản này; cụ thể: - Tài khoản 362Z (Nguồn vốn đầu tư do tỉnh quản lý- Chờ xử lý) số dư nợ 31/12/2016: 66.065.848.100đ; - Tài khoản 862Z (Cấp phát vốn đầu tư từ các nguồn vốn khác do tỉnh quản lý- Chờ xử lý) số dư có 31/12/2016: 66.105.710.100đ.	
V	UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét và thực hiện theo ý kiến của Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư	140.000.000.000		140.000.000.000	0	Nguồn kinh phí chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu: Tổng số NSTW bổ sung có mục tiêu: 240.000trđ; gồm: năm 2015: 140.000trđ; năm 2016: 100.000trđ (Bộ Tài chính giao dự toán bổ sung có mục tiêu ngày từ đầu năm 2016 và tỉnh đã rút dự toán về NS tỉnh). Trong đó, số kinh phí năm 2016 đã được bố trí trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn, riêng kinh phí năm 2015 số tiền 140.000trđ được chuyển nguồn liên tục qua các năm. Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2015 đã kiến nghị (UBND tỉnh khẩn trương triển khai thực hiện theo ý kiến của Bộ Kế hoạch & Đầu tư và Bộ Tài chính) và báo cáo kết quả về Kiểm toán Nhà nước về việc kinh phí Trung ương hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu từ năm 2014 đến thời điểm kết thúc kiểm toán không triển khai được, số tiền 140.000.000.000đ nhưng đến thời điểm kiểm toán (tháng 7/2017) vẫn chưa có phương án sử dụng: 140.000.000.000đ.	
VI	UBND tỉnh xem xét quyết định	169.063.913.611		142.932.000.000	26.131.913.611		
1	Vay vượt quá quy định	142.932.000.000		142.932.000.000	0	HEND Tỉnh xem xét và cho ý kiến đối với việc vay để đầu tư xây dựng vượt quá quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và quy định tại Điều 26 Nghị định 60/2003/NĐ- CP của Chính phủ: 142.932.000.000trđ, tương đương vượt 42%.	
2	Lao động hợp đồng ngoài chỉ tiêu biên chế được giao	26.131.913.611		0	26.131.913.611	HEND Tỉnh xem xét và cho ý kiến đối với việc một số đơn vị còn hợp đồng lao động ngoài chỉ tiêu biên chế được giao 1.420 người, với số chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp năm 2016 là: 26.131.913.611đ; cụ thể: - Lao động hợp đồng chuyên trách dân số xã, phường, thị trấn theo Quyết định 58/1994/QĐ-TTg: 116người, với số tiền: 5.510.246.463đ. - Lao động hợp đồng khác do các đơn vị tự ký là 1.304người, với số tiền: 20.621.667.148đ.	

TT	Đơn vị/chi tiêu	Số KTNN kiến nghị	Điều chỉnh giảm	Số thực hiện	Số chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
VII	UBND tỉnh báo cáo bổ sung đề Bộ Tài chính xem xét khi thẩm định kinh phí CCTL do tính báo cáo chưa chính xác nguồn và nhu cầu kinh phí thực hiện CCTL năm 2016	8.577.500.000		8.577.500.000	0	Tính báo cáo Bộ Tài chính nhu cầu kinh phí thực hiện CCTL do tăng mức lương cơ sở từ 1.150ngđ lên 1.210ngđ cao hơn thực tế, kiểm toán xác định giảm nhu cầu kinh phí thực hiện CCTL: 8.577.500.000đ.	
VIII	UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính xử lý dứt điểm tạm ứng NS tỉnh cho huyện Thanh Liêm từ năm 2014	25.400.000.000		0	25.400.000.000	Ngân sách tỉnh tạm ứng cho huyện Thanh Liêm từ năm 2014 đến nay chưa được chưa được xử lý: 25.400 trđ (tạm ứng giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và san nền mở rộng cụm công nghiệp Kien Khê I).	
IX	UBND tỉnh chỉ đạo thu hồi về Quỹ Phát triển đất các khoản cho vay, tạm ứng từ năm 2015 trở về trước	120.325.388.080		29.122.165.000	91.203.223.080	Quỹ phát triển đất còn cấp tạm ứng cho các dự án từ năm 2012 đến 2015 đến 1/7/2017 chưa thu hồi về Quỹ: 120.325.388.080đ, gồm: GPMB trả cho Công ty cổ phần Visai 3: 4.429.116.000đ (tính năm 2013); GPMB dự án chăn nuôi bò sữa Mộc Bắc: 777.418.000đ (tính năm 2013); GPMB Khu công nghiệp Đồng Văn mở rộng 363.747.000đ (tính năm 2013); GPMB Khu công nghiệp Đồng Văn mở rộng 10.981.000.000đ (tính năm 2014); GPMB Cơ sở 2 Bệnh viện Việt Đức 15.951.107.080đ (tính năm 2014); Xây dựng khu tái định cư phục vụ GPMB dự án xây dựng đường vành đai kinh tế TT: 2.000.000.000đ (tính năm 2014); Công trình nhánh NI đường vành đai thành phố: 15.000.000.000đ (tính năm 2014 là 10.000trđ; năm 2015 là 5.000trđ); GPMB dự án đầu tư xây dựng hạ tầng phụ trợ cơ sở 2 bệnh viện Bạch Mai 5.823.000.000đ; GPMB Đồng Văn III mở rộng là 65.000.000.000đ (tính năm 2015).	
X	UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan kiểm tra xác định giá trị nghiệm thu thanh quyết toán	14.086.293.826		14.086.293.826	0		
1	Kinh phí sự nghiệp môi trường	11.292.188.147		11.292.188.147	0		
1.1	Huyện Lý Nhân	4.195.084.012		4.195.084.012	0	Việc cân và xác định khối lượng rác được thực hiện và xác nhận tại Phiếu cân hàng bởi Công ty cổ phần Ba An - đơn vị cung cấp dịch vụ, còn tiền án rủi ro về khối lượng thực tế: Phòng Tài nguyên & Môi trường 4.195.084.012đ	
1.2	Huyện Bình Lục	2.415.413.000		2.415.413.000	0	Phòng Tài nguyên & Môi trường: Việc thanh quyết toán chưa đủ căn cứ do chưa có sự xác nhận khối lượng của các xã đối với từng chuyển xe theo điều khoản quy định tại Hợp đồng kinh tế: "Khối lượng rác được UBND các xã, thị trấn xác nhận theo từng chuyển xe và được xác định trọng lượng tại trạm cân của bên B"; Việc cân và xác định khối lượng rác được thực hiện và xác nhận tại Phiếu cân hàng bởi Công ty cổ phần Ba An là đơn vị cung cấp dịch vụ. Chưa có hồ sơ, tài liệu về kiểm tra, giám sát của phòng Tài nguyên và Môi trường đối với chất lượng, số lượng, khối lượng bốc xúc, vận chuyển và xử lý rác thải.	

TT	Đơn vị/chi tiêu	Số KTNN kiến nghị	Điều chỉnh giám	Số thực hiện	Số chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân	Chi chú
1.3	Huyện Thanh Liêm	4.681.691.135		4.681.691.135	0	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh Liêm nghiệm thu, thanh quyết toán chi thành toán bóc xúc, vận chuyển và xử lý rác thải (sự nghiệp môi trường) 4.681.691.135d còn chưa đầy đủ căn cứ chi, cụ thể: - Chưa có Biên bản nghiệm thu chất lượng dịch vụ, văn bản quy định cụ thể vận chuyển từ điểm tập kết đến nơi xử lý rác thải; Hồ sơ, tài liệu xác nhận số lượng, khối lượng rác bóc xếp, vận chuyển chỉ có xác nhận khối lượng hàng tháng của các xã, thị trấn chưa có sự xác nhận khối lượng của các xã và phòng Tài nguyên và Môi trường đối với số lượng, khối lượng vận chuyển của từng chuyến xe; - Chưa có hồ sơ, tài liệu về kiểm tra, giám sát của phòng Tài nguyên và Môi trường đối với chất lượng, số lượng, khối lượng bóc xúc, vận chuyển và xử lý rác thải; - Chưa có Hợp đồng kinh tế ký kết giữa phòng Tài nguyên và Môi trường và đơn vị thực hiện dịch vụ. Hợp đồng nguyên tắc không có số lượng, khối lượng, chất lượng và quy cách, phương thức nghiệm thu, thanh toán.	
2	Kinh phí cấp bù thù lợi phí (Huyện Lý Nhân)	2.794.105.679		2.794.105.679	0	Phòng Nông nghiệp & PTNT: Việc nghiệm thu và thanh quyết toán kinh phí cấp bù thù lợi phí chưa xác định chi tiết diện tích tưới, diện tích tiêu làm cơ sở thanh quyết toán theo đơn giá quy định (Trong diện tích nghiệm thu có diện tích chi tưới, có diện tích chi tiêu hoặc diện tích vừa tưới vừa tiêu nhưng đơn vị áp dụng cùng một đơn giá tổng hợp cho cả tưới, tiêu nên chưa phù hợp); 2.794.105.679d.	
XI	UBND huyện báo cáo HĐND huyện xem xét quyết định	3.464.646.094		3.464.646.094	0		
1	Huyện Thanh Liêm	2.691.546.094		2.691.546.094	0		
1.1	Kiểm toán tổng hợp tại Phòng Tài chính- Kế hoạch	1.491.082.000		1.491.082.000	0	Huyện phân bổ và giao dự toán đầu năm dùng kinh phí sự nghiệp để bố trí chi quản lý hành chính: 1.491.082ngđ; gồm: sự nghiệp kinh tế: 209.200ngđ (đã bao gồm phòng Tài nguyên và Môi trường); sự nghiệp giáo dục: 1.281.882ngđ (phòng Giáo dục và Đào tạo).	
1.2	Phòng Tài nguyên và Môi trường	185.846.494		185.846.494	0	Thực hiện chi và quyết toán các nội dung chi thuộc nguồn kinh phí quản lý hành chính (kinh phí thực hiện tự chủ) vào nguồn kinh phí sự nghiệp (kinh phí không thực hiện tự chủ): 185.846.494đ; gồm: sự nghiệp môi trường: 59.079.866đ; sự nghiệp kinh tế: 126.766.628đ.	
1.3	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện	88.116.400		88.116.400	0	Kinh phí không tự chủ (nguồn 12) không sử dụng hết theo dự toán được giao đã sử dụng vào nội dung khác: 88.116.400đ; gồm: Tiền điện, nước: 11.792.100đ; chi tiền mua axit khử trùng đường cống: 10.000.000đ; văn phòng phẩm, vật tư văn phòng: 11.003.000đ; hội nghị: 35.611.300đ; thuê lao động ngắn hạn tháng 12/2016: 8.600.000đ; sửa chữa thiết bị tin học: 11.110.000đ.	
1.4	Phòng Giáo dục và Đào tạo	61.232.000		61.232.000	0	Sử dụng kinh phí sự nghiệp giáo dục chi cho quản lý hành chính : 61.232.000đ; gồm: Loại 490 khoản 491 - Giáo dục mầm non: 19.965.000đ; loại 490 khoản 492 - Giáo dục tiểu học: 20.215.000đ; loại 490 khoản 493 - Giáo dục THCS: 12.692.000đ; loại 490 khoản 495 - Giáo dục trung học: 8.360.000đ.	

TT	Đơn vị/ chỉ tiêu	Số KTNN kiến nghị	Điều chỉnh giảm	Số thực hiện	Số chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
1.5	Thị trấn Kiện Khê	865.269.200		865.269.200	0	Thị trấn Kiện Khê bổ tri hoàn trả nguồn vốn đầu tư xây dựng do dùng nguồn vốn đầu tư xây dựng để chi thường xuyên: 865.269.200đ (chi mua sắm, sửa chữa trường học: 257.655.000đ; chi mua sắm, sửa chữa UBND thị trấn: 108.547.000đ; xử lý môi trường và khác: 499.067.200đ).	
2	Huyện Bình Lục	345.000.000		345.000.000	0	Xã Bô Đề: Khoản thu theo phương án xử lý đất sau đo đạc đã sử dụng chi trả cho các công trình XDCB cũ từ năm 2008 trở về trước	
3	Huyện Lý Nhân	428.100.000		428.100.000	0	Phòng Giáo dục và Đào tạo: Sử dụng kinh phí SNGD để chi QLNN 428.100.000đ	
XII	Chấn chỉnh rút kinh nghiệm và tự chịu trách nhiệm	13.709.357.800		13.709.357.800	0	Chấn chỉnh rút kinh nghiệm và tự chịu trách nhiệm đối với các khoản chi chưa phù hợp và chưa có đầy đủ hồ sơ, thủ tục, chứng từ, hóa đơn	
I	Huyện Thanh Liêm	1.030.504.300		1.030.504.300	0		
1.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện	612.837.700		612.837.700	0	- Mua văn phòng phẩm chưa có tổng hợp nhu cầu để xuất của các bộ phận, chưa có dự trù kinh phí, danh sách cấp phát sử dụng, chưa có 03 báo giá nhà cung cấp để xét chọn giá số tiền 132.013.000đ. - Sửa chữa thiết bị tin học, đường điện, sửa chữa trụ sở, điều hòa nhiệt độ, chưa có giấy báo hỏng, chưa có biên bản kiểm tra hiện trạng số tiền 277.328.200đ. - Mua sắm tài sản, vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ chưa có đề xuất của bộ phận sử dụng, chưa có biên bản bán giao cho bộ phận sử dụng, số tiền 75.107.000đ. - Thanh toán xăng xe không có lệnh điều xe, lịch trình xe: 128.389.500đ.	
1.2	Phòng Tài nguyên và Môi trường	32.120.000		32.120.000	0	- Chứng từ chi tiền lẻ tiết chưa đầy đủ chữ ký người nhận 5.600.000đ - Thanh toán mua văn phòng phẩm chưa có Giấy đề nghị mua hàng, xác nhận đồng ý của Thủ trưởng đơn vị, chưa có giấy biên nhận của người mua hàng, Hóa đơn đó chưa có chữ ký của người mua hàng 26.520.000đ	
1.3	Xã Thanh Thủy	74.324.000		74.324.000	0	- Chi mua sắm vật tư, văn phòng phẩm chưa có ít nhất 03 báo giá để lựa chọn đơn vị có mức giá thấp nhất, chưa có biên bản bán giao vật tư và biên bản giao nhận vật tư: 14.850.000đ. - Một số khoản chi chưa có thẩm định giá, chưa có bảng báo giá sản phẩm của nhà cung cấp, không có hóa đơn tài chính 35.835.000đ (Chi trả kinh phí trồng cây chắn bụi ven sông vị thôn Mỹ Tho 26.235.000đ; chi trả kinh phí đại đa đất đường giao thông để đày: 9.600.000đ) - Chi photo tài liệu phục vụ bầu cử không có danh sách bán giao tài liệu photo, không có dự trù danh sách cấp phát: 4.355.000đ. - Chi in băng rôn căng công sở và các trục đường chính tuyến truyền ngày bầu cử không có dự trù kinh phí và dự trù danh sách cấp phát: 2.000.000đ. - Chi tổng kết cuộc bầu cử chi có giấy đề nghị thanh toán tổng số không có từng nội dung chi cụ thể: 5.280.000đ. - Chi khen thưởng tập thể và cá nhân hoàn thành công tác bầu cử không có danh sách ký nhận tiền: 5.604.000đ. - Chứng từ chi còn chưa có hóa đơn tài chính: 6.400.000đ; gồm: Chi kê về khấu hiệu phục vụ bầu cử HĐND: 4.000.000đ; chi thuế xe và hỗ trợ khám nghĩa vụ quân sự: 2.400.000đ.	

TT	Đơn vị/ chi tiêu	Số KTNN kiến nghị	Điều chỉnh giảm	Số thực hiện	Số chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
1.4	Thị trấn Kiện Khê	311.222.600		311.222.600	0	<p>Chi chưa có đầy đủ thủ tục, hồ sơ thành quyết toán: 311.222.600đ; gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi chưa có hóa đơn tài chính: 22.788.000đ (chi thuế âm ly, phòng bat, bán ghế phục vụ diễn tập: 6.500.000đ; chi bảo dưỡng xe môi trường: 3.070.000đ; chi tiếp khách, photo tài liệu: 13.218.000đ); - Chi tiền mua lớp xe tưới nước môi trường không có hợp đồng và thanh lý hợp đồng; không thực hiện lấy báo giá theo quy định: 38.280.000đ; - Chi mua bán ghế học sinh không thực hiện đấu thầu khi mua sắm: 100.000.000đ; - Mua đầu Diezen cho xe tưới nước không có lịch trình xe để xác định số km, số nhiên liệu; chưa xây dựng lịch tưới nước để điều hành người lao động thực hiện việc vận hành xe tưới nước theo đúng lịch để ra như Hợp đồng lao động đã ký: 39.904.600đ. - Chi mua bán, ghế cho học sinh và giáo viên trường tiểu học chưa có 03 bảng báo giá để lựa chọn đơn vị có báo giá thấp nhất, chưa có biên bản bán giao: 19.300.000đ; - Chi công tác kiểm tra, điều tra thu thập thông tin không có quyết định thành lập tổ kiểm tra, điều tra; không xây dựng kế hoạch kiểm tra, điều tra: 3.950.000đ. - Chi phục vụ bầu cử chưa lập dự trù kinh phí cho các nội dung chi, chưa có biên bản bàn giao các công cụ như hòm phiếu, pano, khẩu hiệu phục vụ cho bầu cử cho các thôn xóm: 87.000.000đ. 	
2	Huyện Lý Nhân	519.015.300		519.015.300	0	<p>Chúng tôi chi chưa đủ thủ tục thành toán theo quy định: 519.015.300đ; gồm: Phòng Tài nguyên Môi trường 71.050.000đ; Phòng NN & PTNT 199.667.000đ; Thị trấn Vĩnh Trụ 147.921.000đ; Xã Bắc Lý 100.377.300đ.</p>	
3	Huyện Bình Lục	139.440.000		139.440.000	0	<p>- Phòng Kinh tế và Hạ tầng 51.620.000 (CKKB 67 ngày 31/12/2016 chi sửa chữa thiết bị tin học 19.980.000đ; không có biên bản xác định hiện trạng thiết bị hỏng, không có 03 báo giá của các nhà cung cấp; PC 06 ngày 4/2/2016 chi tiền ăn hội nghị Tổng kết công tác giao thông 2015 không có danh sách đại biểu tham dự hội nghị 31.640.000đ);</p> <p>- Xã Bò Đề : 37.535.000đ Mua văn phòng phẩm không có 03 báo giá, không có cấp phát cho bộ phận sử dụng.</p> <p>- Xã An Mỹ 50.285.000đ (Mua công cụ, dụng cụ văn phòng không có 03 báo giá, không có cấp phát cho bộ phận sử dụng 33.600.000đ; Chi sửa chữa đường điện Ủy ban không có biên bản xác định hiện trạng 16.685.000đ)</p>	
4	NS cấp tỉnh	460.000.000		460.000.000	0	<p>Chi hỗ trợ cho các đơn vị không thuộc nhiệm vụ chi của NSDP: Một số nội dung chi hỗ trợ chưa gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị trên địa bàn: 460trđ (Hỗ trợ Chi cục thi hành án dân sự kỷ niệm 70 năm truyền thống thi hành án 90trđ; Hỗ trợ Chi cục thống kê tổ chức gặp mặt kỷ niệm 70 năm ngày TL ngành Thống kê Việt Nam 50trđ; Hỗ trợ Cục thuế tỉnh mua sắm trang thiết bị tại phòng họp và vận chuyển các thiết bị từ trụ sở cũ sang trụ sở mới 200trđ; Hỗ trợ Tòa án nhân dân tỉnh tổng kết cụm thi đua số 1 năm 2016 và tập huấn Hội thẩm TAND 120trđ).</p>	
5	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Hà Nam	36.098.200		36.098.200	0	<p>Chúng tôi chi tiếp khách chưa đủ căn cứ xác định số lượng khách, thời gian làm việc, nội dung làm việc với khách số tiền 36.098.200đ.</p>	

TT	Đơn vị/ chi tiêu	Số KTNN kiến nghị	Điều chỉnh giám	Số thực hiện	Số chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Nam	11.524.300.000		11.524.300.000		<p>(1) Chi cục Phát triển nông thôn: Chi tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật nông lâm ngư nghiệp cho hộ nghèo 150.000.000đ, đơn vị chưa chứng minh được viên lớp học là các hộ nghèo, cần nghèo, không cung cấp được danh sách học viên đăng ký do các xã để nghị tham gia tập huấn.</p> <p>(2) Trung tâm Khuyến nông: Kinh phí thực hiện đề án thử nghiệm phân bón vi sinh Power Ant cho một số cây trồng trên đất hai lúa tỉnh Hà Nam: Thực hiện mua 12.000lit phân bón sử dụng trong 2 năm (2016, 2017) tương ứng giá trị 4.488.000.000đ của Công ty Cổ phần du lịch và Thương mại Thanh Xuân được UBND tỉnh cho phép chi định thầu, không thực hiện đấu thầu, theo quy định. Đến thời điểm đối chiếu, Trung tâm khuyến nông không thực hiện phối hợp với trạm khuyến nông và các phòng ban của các huyện thực hiện kiểm kê số lượng phân bón còn tồn tại các trạm khuyến nông để sử dụng trong năm 2017 số lượng 6.000lit với giá trị: 2.244.000.000đ.</p> <p>(3) Chi cục Chăn nuôi và Thú y: Mua thuốc phòng dịch được UBND tỉnh cho phép chi định thầu, không thực hiện đấu thầu theo quy định: 6.886.300.000đ.</p>	
XIII	Các kiến nghị xử lý tài chính khác tại các dự án kiểm toán chi tiết	13.152.120.309	13.152.120.309				
1	BQLDA ĐTXD thành phố Phủ Lý	10.462.897.968	10.462.897.968				
1.1	Dự án xử lý khẩn cấp sạt lở bờ kết hợp chỉnh trang đô thị đoạn thượng lưu công Phủ Lý từ cầu Phủ Lý qua QL1A đến công xã trạm bơm Mễ.	9.305.688.815	9.305.688.815			<p>+ Phần đất đắp và thi đá hộc gói thầu số 04 chưa đủ hồ sơ do bị dừng thi công số tiền 5.467.791.931đ, đề nghị BQLDA hoàn thiện thủ tục để thanh quyết toán theo quy định.</p> <p>+ Phần cọc bê tông đã đúc gói thầu số 04 (2.517.916.710đ) nhưng không sử dụng đã chuyển sang dự án khác;</p> <p>+ Bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu thiết bị trạm lặn, xà lan, và tầu kéo số tiền 1.319.980.174đ để thanh, quyết toán theo quy định.</p>	Điều chỉnh giám do đã tổng hợp tại cột 10 -
1.2	Dự án xây dựng công trình đường D4 thuộc khu đô thị mới Nam Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	1.157.209.153	1.157.209.153			phần công đã đúc xong chưa lắp đặt (dự án bị dừng thi công do vướng GPMB để lập hồ sơ quyết toán) đề nghị UBND thành phố Phủ Lý có biện pháp quản lý tài sản, vật tư theo đúng quy định.	Kiến nghị xử lý tài chính khác của Phủ
2	Huyện Thanh Liêm	507.469.000	507.469.000				biểu số 03/THKB-

TT	Đơn vị/ chỉ tiêu	Số KTNN kiến nghị	Điều chỉnh giảm	Số thực hiện	Số chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
2.1	Dự án ĐTXD đường kết nối hạ tầng xung quanh và hoàn trả kênh mương bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án XD cơ sở 2 - Bệnh viện Bạch Mai (Phần thực hiện Giai đoạn II):	507.469.000	507.469.000			(1) Công tác làm móng CP đá dăm mặt đường: Mặt cắt ngang điển hình thiết kế không rải móng cấp phối đá dăm phạm vi rãnh đan thu nước 2 bên mặt đường, tuy nhiên mặt cắt ngang chi tiết và khối lượng tính rải móng cả chân rãnh đan. Nếu không tính KL rải móng phạm vi dưới rãnh đan thì giá trị Hợp đồng giảm 165.698.000đ => Xứ lý khác: Giao chủ đầu tư thống nhất thiết kế phạm vi rải các lớp cấp phối đá dăm làm móng mặt đường giữa bán vế mặt cắt ngang điển hình và bán vế mặt cắt ngang chi tiết. (2) Công tác Sản xuất BTN hạt trung: Định mức sản xuất tính với hàm lượng nhựa 5,5% chưa chưa phù hợp với khuyến nghị tại Công văn 9297/BGTVT-KHCN ngày 31/7/2014 của Bộ Giao thông Vận tải. Nếu tính với hàm lượng nhựa khuyến nghị 5% thì chi phí giảm 341.770.457đ	NSDP2016
3	BQLDA Đại học Nam Cao	2.181.753.341	2.181.753.341				
3.1	Dự án đầu tư xây dựng đường Lê Công Thành, giai đoạn 3	2.181.753.341	2.181.753.341			- Tư vấn thiết kế khi thiết kế tại vị trí đắp bao phần đắp bù lùn bằng cát là chưa hợp lý về mặt kỹ thuật, trong quá trình thực hiện Ban QLDA và đơn vị thiết kế đã điều chỉnh đắp bằng đất cho phù hợp về mặt kỹ thuật. Tại thời điểm kiểm toán thiết kế và dự toán điều chỉnh, bổ sung chưa được lập và duyệt nên chưa có cơ sở pháp lý để tính toán giá trị nội dung chuyển đổi trên;	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP TỤC THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM 2018 NIÊN ĐỘ 2015

(Kèm theo thông báo số 86 /TB-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán	Số kiến nghị điều chỉnh giảm	Số kiến nghị điều chỉnh tăng	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện	% TH
	NĂM 2015						
	Tổng cộng	21.918.846.759	250.797.000	250.797.000	14.710.378.505	7.208.468.254	67,1%
B	Các khoản giảm chi	21.918.846.759	250.797.000	250.797.000	14.710.378.505	7.208.468.254	67,1%
I	Giảm chi thường xuyên	4.231.550.700	-	-	474.006.200	3.757.544.500	11,2%
6	Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp	4.231.550.700	-	-	474.006.200	3.757.544.500	11,2%
7	Kiến nghị xử lý tài chính khác					-	
II	Giảm chi đầu tư xây dựng	17.687.296.059	250.797.000	250.797.000	14.236.372.305	3.450.923.754	80,5%
1	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai quy định	3.263.699.556	-	-	-	3.263.699.556	0%
4	Giảm dự toán, giám thanh toán năm sau	6.879.294.116	250.797.000	250.797.000	6.840.588.918	38.705.198	99,4%
5	Chuyển quyết toán năm sau						
6	Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp	148.519.000	-	-	-	148.519.000	0%
7	Kiến nghị xử lý tài chính khác (giảm giá trị trúng thầu; GT hợp đồng)	7.395.783.387	-	-	7.395.783.387	-	100%

UBND TỈNH HÀ NAM

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN GIÁM CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2015 (THỰC HIỆN ĐẾN T6/2018)

(Kèm theo thông báo số 96 /TB-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nợ NSNN các khoản	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy	Thu hồi kinh phí thừa	Giám dự toán, giảm thanh toán	Chuyển quyết toán năm sau	Nợ NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	2	3=4+...+10	4	5	6	7	8	9	10
	Số KTNN kiến nghị (1)	4.231.550.700						4.231.550.700	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0						0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0						0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	4.231.550.700						4.231.550.700	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	474.006.200						474.006.200	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	3.757.544.500						3.757.544.500	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	11,2%						11,2%	
1	Ban quản lý các khu công nghiệp								
	Số KTNN kiến nghị (1)	4.231.550.700						4.231.550.700	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0							
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0							
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	4.231.550.700						4.231.550.700	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	474.006.200						474.006.200	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	3.757.544.500						3.757.544.500	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	11,2%						11,2%	

UBND TỈNH HÀ NAM

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIỂM NGHIỆM TOÁN GIÁM CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2015 (THỰC HIỆN ĐẾN HẾT T5/2018)

(Kèm theo thông báo số 16 /TB-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Nợ NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa thanh toán	Kiểm nghị xử lý tài chính khác (giảm giá trị trừ)
	2	3=4+...+9	4	5	6	7	8	9	10
	Số KTNN kiến nghị (1)	17.687.296.059	3.263.699.556			6.879.294.116		148.519.000	7.395.783.387
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	250.797.000	0			250.797.000		0	0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	250.797.000	0			250.797.000		0	0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	17.687.296.059	3.263.699.556			6.879.294.116		148.519.000	7.395.783.387
	Số thực hiện của đơn vị (5)	14.236.372.305	0			6.840.588.918		0	7.395.783.387
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	3.450.923.754	3.263.699.556			38.705.198		148.519.000	0
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	80,5%	0%			99,4%		0%	100%
1	Thành phố Phủ Lý								
	Số KTNN kiến nghị (1)	323.975.000				299.568.000			24.407.000
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0				0		0	0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0				0		0	0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	323.975.000				299.568.000			24.407.000
	Số thực hiện của đơn vị (5)	323.975.000				299.568.000			24.407.000
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0				0		0	0
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%			100%
2	Ban QLDA vùng phân lũ Hữu Đáy-Sở NN&PTNT								
	Số KTNN kiến nghị (1)	596.027.000				596.027.000			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	250.797.000				250.797.000			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0				0			

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Nợ NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa	Kiến nghị xử lý tài chính khác (giảm giá trị trừng
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	345.230.000				345.230.000			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	345.230.000				345.230.000			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0				0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%			
3	BQL các DA Giao thông - sở GTVT Hà Nam								
	Số KTTN kiến nghị (1)	9.988.652.955	2.299.119.556			1.772.547.399		148.519.000	5.768.467.000
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0			0		0	0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0			0		0	0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	9.988.652.955	2.299.119.556			1.772.547.399		148.519.000	5.768.467.000
	Số thực hiện của đơn vị (5)	7.502.309.201	0			1.733.842.201		0	5.768.467.000
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	2.486.343.754	2.299.119.556			38.705.198		148.519.000	0
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	75%	0%			98%		0%	100%
4	BQLDA dự án NN & PTNT Hà Nam								
	Số KTTN kiến nghị (1)	3.355.818.000	964.580.000			2.391.238.000			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0			0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	250.797.000	0			250.797.000			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	3.606.615.000	964.580.000			2.642.035.000			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	2.642.035.000	0			2.642.035.000			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	964.580.000	964.580.000			0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	73%	0%			100%			
5	BQLDA Đầu tư xây dựng thuộc BQL Khu đại học Nam Cao								
	Số KTTN kiến nghị (1)	82.944.000				81.525.000			1.419.000
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0			0			0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0			0			0

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giám dự toán, giám thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Nợ NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa	Kiến nghị xử lý tài chính khác (giảm giá trị trung
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	82.944.000				81.525.000			1.419.000
	Số thực hiện của đơn vị (5)	82.944.000				81.525.000			1.419.000
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0				0			0
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%			100,00%
6	Ban quản lý dự án huyện Duy Tiên								
	Số KTNN kiến nghị (1)	3.339.879.104				1.738.388.717			1.601.490.387
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0				0			0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0				0			0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	3.339.879.104				1.738.388.717			1.601.490.387
	Số thực hiện của đơn vị (5)	3.339.879.104				1.738.388.717			1.601.490.387
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0				0			0
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%			100%

Ghi chú:

Số kiến nghị điều chỉnh tăng, giảm 250.797.000đ, do chứng từ thực hiện kiến nghị năm 2017 nhập nhầm số liệu thực hiện của ban QLDA vùng phân lũ Hữu đày sang ban NN&PTNT

UBND TỈNH HÀ NAM

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM 2015 (THỰC HIỆN ĐẾN HẾT T5/2018)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chi tiêu	Tổng số	Tăng thu	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Ghi chú
	Tổng cộng:					
	Số KTNN kiến nghị (1)	21.918.846.759		4.231.550.700	17.687.296.059	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	250.797.000		0	250.797.000	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	250.797.000		0	250.797.000	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4)	21.918.846.759		4.231.550.700	17.687.296.059	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	14.710.378.505		474.006.200	14.236.372.305	
	Số chưa thực hiện (6)	7.208.468.254		3.757.544.500	3.450.923.754	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5)/(4)* 100%	67,1%		11,2%	80%	
1	Ban quản lý các khu công nghiệp					
	Số KTNN kiến nghị (1)	4.231.550.700		4.231.550.700		
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0		0		
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0		0		
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	4.231.550.700		4.231.550.700		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	474.006.200		474.006.200		
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	3.757.544.500		3.757.544.500		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	11%		11,2%		
2	Thành phố Phủ Lý					
	Số KTNN kiến nghị (1)	323.975.000			323.975.000	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0			0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0			0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	323.975.000			323.975.000	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	323.975.000			323.975.000	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0			0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%			100%	
3	Ban QLDA vùng phân lũ Hữu Đáy- Sở NN&PTNT					
	Số KTNN kiến nghị (1)	596.027.000			596.027.000	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	250.797.000			250.797.000	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0			0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	345.230.000			345.230.000	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	345.230.000			345.230.000	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0			0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%			100%	
4	BQL các DA Giao thông - sở GTVT Hà Nam					
	Số KTNN kiến nghị (1)	9.988.652.955			9.988.652.955	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0			0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0			0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	9.988.652.955			9.988.652.955	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	7.502.309.201			7.502.309.201	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	2.486.343.754			2.486.343.754	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	75%			75%	
5	BQLDA dự án NN &PTNT Hà Nam					
	Số KTNN kiến nghị (1)	3.355.818.000			3.355.818.000	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0			0	

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Ghi chú
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	250.797.000			250.797.000	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	3.606.615.000			3.606.615.000	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	2.642.035.000			2.642.035.000	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	964.580.000			964.580.000	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	73%			73%	
6	BQLDA Đầu tư xây dựng thuộc BQL Khu đại học Nam Cao					
	Số KTNN kiến nghị (1)	82.944.000			82.944.000	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0			0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0			0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	82.944.000			82.944.000	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	82.944.000			82.944.000	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0			0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%			100%	
7	Ban quản lý dự án huyện Duy Tiên					
	Số KTNN kiến nghị (1)	3.339.879.104			3.339.879.104	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0			0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0			0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	3.339.879.104			3.339.879.104	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	3.339.879.104			3.339.879.104	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0			0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%			100%	

TT	Đơn vị	Số tiền kiến nghị	Số tiền đã thực hiện	Số tiền chưa thực hiện	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	233.728.180.168	172.732.295.338	60.995.884.830	
I	Số Tài chính theo dõi, giảm trừ khi cấp nguồn CCTL cho các đơn vị	2.175.207.748	2.175.207.748	-	
1	NS tỉnh còn chưa trích đủ nguồn CCTL từ học phí	2.175.207.748	2.175.207.748	-	857, 858, 859, 860/TB-STC ngày 23/5/2015 của Sở Tài chính v/v thẩm định quyết toán ngân sách các huyện, thành phố năm 2015
II	Hoàn trả các khoản tạm ứng, ứng trước	223.484.388.080	167.854.165.000	55.630.223.080	
1	UBND tỉnh thu hồi các khoản cho TP ứng trước dự án đầu tư cho Thành phố Phủ Lý	8.150.000.000	-	8.150.000.000	
	Thu hồi các khoản vốn đã ứng trước dự án đầu tư đến 31/12/2015 (dư vốn ứng trước chưa hoàn trả đến cuối năm 2015). Thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật NSNN về ứng trước kế hoạch vốn.	8.150.000.000	-	8.150.000.000	
	GPMB dự án phát triển các đô thị loại vừa tại Việt Nam - tiêu dự án thành phố Phủ Lý	400.000.000		400.000.000	
	Ứng trước cho dự án đường D1 và hạ tầng kỹ thuật hai bên đường thuộc khu đô thị Nam Thanh Châu, Phủ Lý	5.000.000.000		5.000.000.000	
	Giải phóng mặt bằng dự án tổ hợp thương mại - DV tổng hợp tại vị trí trường THPT Chuyên Biên Hòa (cũ)	2.750.000.000		2.750.000.000	
2	Thành phố Phủ Lý hoàn trả NS tỉnh các khoản tạm ứng	26.000.000.000	-	26.000.000.000	
	NSTP chưa nộp trả NS tỉnh các khoản tạm ứng cho các DA ĐTXDCB từ năm 2008	26.000.000.000	-	26.000.000.000	
	Dự án phát triển đô thị loại vừa tại Việt Nam - tiêu dự án thành phố Phủ Lý	6.000.000.000		6.000.000.000	
	GPMB khu vực giữa đường vành đai thành phố nhánh N2, đường gom đường cao tốc và khu vực xung quanh nút giao Liêm Tuyền	20.000.000.000		20.000.000.000	

TT	Đơn vị	Số tiền kiến nghị	Số tiền đã thực hiện	Số tiền chưa thực hiện	Ghi chú
	Sở Lý Khẩn cấp đề tài, chống sạt lở tuyến đường bao hữu Hồng xã Phú Phúc huyện Lý Nhân	20.000.000.000	20.000.000.000	-	
III	Kiến nghị xử lý tại chính khác lĩnh vực ĐTXDCB	8.068.584.340	2.702.922.590	5.365.661.750	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP TỤC THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM 2018 NIÊN ĐỘ 2014

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán	Số kiến nghị điều chỉnh giảm	Số kiến nghị điều chỉnh tăng	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện	% TH
	NĂM 2014						
	Tổng cộng	2.499.572.382	-	-	2.499.572.382	-	100,0%
B	Các khoản giảm chi	2.499.572.382	-	-	2.499.572.382	-	100%
II	Giảm chi đầu tư xây dựng	2.499.572.382	0	0	2.499.572.382	0	100%
1	Thu hồi nợ NSNN (chi sai chế độ)	98.581.326	-	-	98.581.326	-	100%
2	Giảm cấp phát, thanh toán (chi sai chế độ)	2.372.357.264	-	-	2.372.357.264	-	100%
5	Các khoản giảm chi khác	28.633.792	-	-	28.633.792	-	100%

UBND TỈNH HÀ NAM

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM 2014 (THỰC HIỆN ĐẾN T6/2018)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chi tiêu	Tổng số	Tăng thu	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Ghi chú
Tổng cộng:						
1	Số KTNN kiến nghị (1)	2.499.572.382	98.581.326		2.400.991.056	
2	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0		0	
3	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0		0	
4	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4)	2.499.572.382	98.581.326		2.400.991.056	
5	Số thực hiện của đơn vị (5)	2.499.572.382	98.581.326		2.400.991.056	
6	Số chưa thực hiện (6)	0	0		0	
7	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5)/(4)* 100%	100%	100%		100%	
1	Huyện Thanh Liêm					
	Số KTNN kiến nghị (1)	176.937.264			176.937.264	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0			0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0			0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	176.937.264			176.937.264	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	176.937.264			176.937.264	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0			0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				
2	Thành phố Phủ Lý					
	Số KTNN kiến nghị (1)	1.003.707.130			1.003.707.130	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0			0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0			0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	1.003.707.130			1.003.707.130	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	1.003.707.130			1.003.707.130	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0			0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%			100%	
3	Huyện Kim Bảng					
	Số KTNN kiến nghị (1)	745.843.262			745.843.262	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0			0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0			0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	745.843.262			745.843.262	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	745.843.262			745.843.262	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0			0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%			100%	
4	Huyện Lý Nhân					
	Số KTNN kiến nghị (1)	129.124.555			129.124.555	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0			0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0			0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	129.124.555			129.124.555	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	129.124.555			129.124.555	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0			0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%			100%	
5	Huyện Duy Tiên					
	Số KTNN kiến nghị (1)	140.704.399			140.704.399	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0			0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0			0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	140.704.399			140.704.399	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	140.704.399			140.704.399	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0			0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%			100%	
6	Huyện Bình Lục					
	Số KTNN kiến nghị (1)	303.255.772	98.581.326		204.674.446	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0		0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0		0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	303.255.772	98.581.326		204.674.446	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	303.255.772	98.581.326		204.674.446	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0		0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%		100%	

Ghi chú: Giảm chi đầu tư gồm cả giảm giá trị trùng đầu

UBND TỈNH HÀ NAM

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN GIÁM CHI ĐÀU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2014 (THỰC HIỆN ĐẾN T6/2018)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chỉ sai chế độ	Giảm cấp phát, thanh toán các khoản quyết toán sai chế độ	Giảm quyết toán NSNN các khoản quyết toán không đủ thủ tục	Giảm quyết toán NSNN các khoản quyết toán không đúng nguồn	Giảm quyết toán NSNN các khoản quyết toán không đúng đối tượng	Các khoản giảm chi NSNN khác	Giảm giá trị trúng thầu
1	2	3=4+...+10	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng cộng (1+2+...)								
	Số KTTN kiến nghị (1)	2.499.572.382	98.581.326	2.372.357.264				28.633.792	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-							
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-							
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	2.499.572.382	98.581.326	2.372.357.264				28.633.792	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	2.499.572.382	98.581.326	2.372.357.264				28.633.792	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-	-	-				-	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100,0%	100%	100,0%				100%	
1	Huyện Thanh Liêm								
	Số KTTN kiến nghị (1)	176.937.264		176.937.264					
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-							
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-							
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	176.937.264		176.937.264					
	Số thực hiện của đơn vị (5)	176.937.264		176.937.264					
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-		-				-	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%		100%					
2	TP Phủ Lý								
	Số KTTN kiến nghị (1)	1.003.707.130		1.003.707.130					
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-							
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-							
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	1.003.707.130		1.003.707.130					
	Số thực hiện của đơn vị (5)	1.003.707.130		1.003.707.130					
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-		-				-	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%		100%					
3	Huyện Kim Bảng								
	Số KTTN kiến nghị (1)	745.843.262		717.209.470				28.633.792	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-							
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-							
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	745.843.262		717.209.470				28.633.792	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	745.843.262		717.209.470				28.633.792	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-		-				-	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%		100%				100%	
4	Huyện Lý Nhân								
	Số KTTN kiến nghị (1)	129.124.555		129.124.555					
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0							
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0							

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai chế độ	Giám cấp phát, thanh toán các khoản quyết toán sai chế độ	Giám quyết toán NSNN các khoản quyết toán không đủ thủ tục	Giám quyết toán NSNN các khoản quyết toán không đúng nguồn	Giám quyết toán NSNN các khoản quyết toán không đúng đối tượng	Các khoản giảm chi NSNN khác	Giảm giá trị trúng thầu
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	129.124.555		129.124.555	-	-	-		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	129.124.555		129.124.555					
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0		0					
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%		100%					
5	Huyện Duy Tiên								
	Số KTTN kiến nghị (1)	140.704.399		140.704.399					
	Số kiến nghị điều chỉnh giám (2)	0		0					
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0		0					
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	140.704.399		140.704.399					
	Số thực hiện của đơn vị (5)	140.704.399		140.704.399					
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0		0					
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%		100%					
6	Huyện Bình Lục								
	Số KTTN kiến nghị (1)	303.255.772	98.581.326	204.674.446					
	Số kiến nghị điều chỉnh giám (2)	-							
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-							
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	303.255.772	98.581.326	204.674.446					
	Số thực hiện của đơn vị (5)	303.255.772	98.581.326	204.674.446					
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-							
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%	100%					
								

Ghi chú:

- Số KTTN kiến nghị (1)** : Số liệu kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị được kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán năm... đã được KTTN phát hành và tổ chức công khai;
- Số kiến nghị điều chỉnh giám (2)** : Các số liệu kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị được kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán năm... đã được KTTN phát hành nhưng không đủ bằng chứng hoặc không hợp lý, hợp pháp phải hủy bỏ (đã có ý kiến của Lãnh đạo KTTN bằng văn bản) hoặc số liệu phải điều chỉnh sang chi tiêu khác do tổng hợp không đúng bản chất, hợp pháp phải hủy bỏ (đã có ý kiến của Lãnh đạo KTTN bằng văn bản) hoặc số liệu phải điều chỉnh sang chi tiêu khác do tổng hợp không đúng bản chất;
- Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)** : Các số liệu kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị được kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán năm... đã được KTTN phát hành nhưng không đúng bản chất được bổ sung điều chỉnh từ chi tiêu khác hoặc không đầy đủ do tổng hợp thiếu từ Báo cáo kiểm toán của tổ kiểm toán (Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của KTV);
- Số kiến nghị đủ bằng chứng (4)** : Các số liệu kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị được kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán năm... đã được KTTN phát hành và tổ chức công khai sau khi loại bỏ phần kiến nghị không đủ bằng chứng (số kiến nghị điều chỉnh giám) và bổ sung phần kiến nghị thiếu (số kiến nghị điều chỉnh tăng);
- Số thực hiện của đơn vị (5)** : Số tiền trên các chứng từ thực hiện kiến nghị kiểm toán (gồm: Giấy nộp tiền vào NSNN; các Quyết định điều chỉnh quyết toán, dự toán, giám thanh toán...; các bảng kê khai thuế, tờ khai thuế...) được ghi theo đúng hướng dẫn của KTTN tại các Báo cáo kiểm toán đã được phát hành.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP TỤC THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM 2018 NIÊN ĐỘ 2013

(Kèm theo Thông báo số 16/TB-UBND ngày 19/10/2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

TT	Chi tiêu	Số kiến nghị kiểm toán	Số kiến nghị điều chỉnh giảm	Số kiến nghị điều chỉnh tăng	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện	% TFI
	NĂM 2013						
	Tổng cộng	13.863.583.038	-	-	3.138.253.703	10.725.329.335	22,6%
A	Các khoản tăng thu	1.135.279.216	-	-	-	1.135.279.216	0%
I	Tăng thu ngân sách	1.135.279.216	-	-	-	1.135.279.216	0%
1	Tăng thu thuế nội địa	1.135.279.216	-	-	-	1.135.279.216	0%
1.1	Thuế Giá trị gia tăng	695.140.948	-	-	-	695.140.948	0%
1.2	Thuế TNDN	440.138.268	-	-	-	440.138.268	0%
B	Các khoản giảm chi	1.924.664.795	-	-	1.924.664.795	0	100%
I	Giảm chi thường xuyên	46.856.228	-	-	46.856.228	-	100%
1	Thu hồi nợ NSNN (chi sai chế độ)	9.402.780	-	-	9.402.780	-	100%
2	Giảm thanh toán, dự toán NSNN	37.453.448	-	-	37.453.448	-	100%
II	Giảm chi đầu tư xây dựng	1.877.808.567	0	0	1.877.808.567	0	100%
1	Thu hồi nợ NSNN (chi sai chế độ)	154.457.351	-	-	154.457.351	-	100%
2	Giảm cấp phát, thanh toán (chi sai chế độ)	769.645.953	-	-	769.645.953	-	100%
6	Giảm giá trị trúng thầu	953.705.263	-	-	953.705.263	0	100%
C	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN	10.803.639.027	-	-	1.213.588.908	9.590.050.119	11,2%
	Các khoản khác	10.803.639.027	-	-	1.213.588.908	9.590.050.119	11,2%

UBND TỈNH HÀ NAM

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN GIÁM CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2013
(THỰC HIỆN ĐẾN T6/2018)

(Kèm theo thông báo số 86 /TB-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai quy	Thu hồi cho vay tạm	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	...	Kiến nghị xử lý tài
I	2	3=4+...+10	4	5	6,0	7	8	9	10
	Số KTNN kiến nghị (1)	46.856.228	9.402.780			37.453.448			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0			0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0			0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	46.856.228	9.402.780			37.453.448			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	46.856.228	9.402.780			37.453.448			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0			0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%			100%			
1	Huyện Lý Nhân								
	Số KTNN kiến nghị (1)	37.453.448				37.453.448			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0				0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0				0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	37.453.448				37.453.448			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	37.453.448				37.453.448			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0				0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%			
2	Huyện Thanh Liêm								
	Số KTNN kiến nghị (1)	9.402.780	9.402.780						
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0			0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0			0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	9.402.780	9.402.780						
	Số thực hiện của đơn vị (5)	9.402.780	9.402.780						
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0			0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%						

UBND TỈNH HÀ NAM

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN GIÁM CHI ĐÀU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2018 (THỰC HIỆN ĐẾN 6/2018)

(Kèm theo thông báo số 86/TB-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị tính: Đồng										
TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán	Chuyển quyết toán năm sau	Các khoản giảm chi NSNN khác	Giảm giá trị trùng đầu	
1	2	3=4+9	4=5+...+8	5	6	7	8	9=10+...+1	10	
	Số KTTN kiến nghị (1)	1.877.808.567	154.457.351	0	0	769.645.953	0	0	953.705.263	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2)	1.877.808.567	154.457.351	0	0	769.645.953	0	0	953.705.263	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	1.877.808.567	154.457.351	0	0	769.645.953	0	0	953.705.263	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%			100%			100%	
*	Các dự án NS cấp tỉnh									
1	Ban QLDA Đầu tư Phát triển giao thông tỉnh Hà Nam									
	Số KTTN kiến nghị (1)	953.705.263							953.705.263	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0							0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0							0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2)	953.705.263							953.705.263	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	953.705.263							953.705.263	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0							0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%							100%	
2	BQLDA ĐTXD thuộc Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam									
	Số KTTN kiến nghị (1)	390.133.000				390.133.000				
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0				0			0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0				0			0	

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nợ NSNN các khoản	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán	Chuyển quyết toán năm sau	Các khoản giảm chi NSNN khác	Giảm giá trị trúng thầu
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2)	390.133.000				390.133.000			0
	Số thực hiện của đơn vị (5)	390.133.000				390.133.000			0
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0				0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%			
*	Các dự án NS cấp huyện, thành phố								
1	Huyện Lý Nhân								
	Số KTTN kiến nghị (1)	533.970.304	154.457.351			379.512.953			
	Số kiến nghị điều chỉnh giám (2)	0	0			0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0			0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2)	533.970.304	154.457.351			379.512.953			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	533.970.304	154.457.351			379.512.953			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0			0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%			100%			

UBND TỈNH HÀ NAM

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN XỬ LÝ NỢ ĐONG, VAY TẠM ỨNG VÀ GHI THU - GHI CHI NIÊN ĐỘ NGÂN SÁCH 2018 CỦA TỈNH HÀ NAM (THỰC HIỆN ĐẾN 6/2018)

(Kèm theo thông báo số 26/TB-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN				
			Cộng	Thu hồi các khoản cho vay, tạm ứng sai quy định	Xử lý nộp NSNN các khoản tạm thu, tạm giữ đã quá hạn	Các khoản ghi thu - ghi chi qua NSNN	Các khoản khác
1	2	3=4+9	9=10+...+13	10	11	12	13
	Số KTNN kiến nghị (1)	10.803.639.027	10.803.639.027	0	0	0	10.803.639.027
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0	0	0	0	0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0	0	0	0	0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	10.803.639.027	10.803.639.027	0	0	0	10.803.639.027
	Số thực hiện của đơn vị (5)	1.213.588.908	1.213.588.908	0	0	0	1.213.588.908
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	9.590.050.119	9.590.050.119	0	0	0	9.590.050.119
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	11,2%	11,2%				11,2%
I	Kiểm toán tổng hợp						
1	Ngân sách tỉnh						
	Số KTNN kiến nghị (1)	8.880.000.000	8.880.000.000				8.880.000.000
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	8.880.000.000	8.880.000.000				8.880.000.000
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0				0
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	8.880.000.000	8.880.000.000				8.880.000.000
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%				0%
II	Các Sở ban ngành						
1	Sở Nông nghiệp và PTNT						
	Số KTNN kiến nghị (1)	8.655.000	8.655.000				8.655.000
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	8.655.000	8.655.000				8.655.000
	Số thực hiện của đơn vị (5)	8.655.000	8.655.000				8.655.000
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0				0
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%				100%
III	Các Huyện, Thành phố						
1	Huyện Lý Nhân						
	Số KTNN kiến nghị (1)	67.401.700	67.401.700				67.401.700
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	67.401.700	67.401.700				67.401.700
	Số thực hiện của đơn vị (5)	67.401.700	67.401.700				67.401.700
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0				0
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%				100%
2	Huyện Thanh Liêm						
	Số KTNN kiến nghị (1)	810.674.736	810.674.736				810.674.736
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	810.674.736	810.674.736				810.674.736
	Số thực hiện của đơn vị (5)	810.674.736	810.674.736				810.674.736
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0				0
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%				100%
IV	Các Ban quản lý dự án						
1	Ban QLDA ĐTXD khẩn cấp CT cấp nước sạch tập trung thay thế nguồn nước ngầm ô nhiễm Asenic, nhiễm						
	Số KTNN kiến nghị (1)	489.071.536	489.071.536				489.071.536

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN				
			Cộng	Thu hồi các khoản cho vay, tạm ứng sai quy định	Xử lý nợ NSNN các khoản tạm thu, tạm giữ đã quá hạn	Các khoản ghi thu - ghi chi qua NSNN	Các khoản khác
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	489.071.536	489.071.536				489.071.536
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0				0
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	489.071.536	489.071.536				489.071.536
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%				0%
2	Huyện Lý Nhân						
	Số KTNN kiến nghị (1)	326.857.472	326.857.472				326.857.472
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	326.857.472	326.857.472				326.857.472
	Số thực hiện của đơn vị (5)	326.857.472	326.857.472				326.857.472
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0				0
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%				100%
3	Huyện Kim Bảng						
	Số KTNN kiến nghị (1)	220.978.583	220.978.583				220.978.583
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	220.978.583	220.978.583				220.978.583
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0				0
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	220.978.583	220.978.583				220.978.583
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%				0%

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP TỤC THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM 2018 NIÊN ĐỘ 2011

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán	Số kiến nghị điều chỉnh giảm	Số kiến nghị điều chỉnh tăng	Số thực hiện	Số chưa thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
	Năm 2011						
	Tổng cộng	14.475.465.531			12.230.059.000	2.245.406.531	84,5%
A	Các khoản tăng thu	2.355.500.062			149.000.000	2.206.500.062	6,3%
I	Tăng thu ngân sách	2.355.500.062			149.000.000	2.206.500.062	6,3%
1	Tăng thu thuế nội địa	683.356.062			149.000.000	534.356.062	21,8%
1.1	Thuế Giá trị gia tăng	683.356.062			149.000.000	534.356.062	21,8%
3	Tăng thu phí, lệ phí	40.000.000			0	40.000.000	0%
4	Thu tiền sử dụng đất	1.632.144.000			0	1.632.144.000	0%
B	Các khoản giảm chi	734.706.000	0	0	734.706.000	0	100%
II	Giảm chi đầu tư xây dựng	734.706.000	0	0	734.706.000	0	100%
1	Thu hồi nộp NSNN (chỉ sai chế độ)	161.595.000	0	0	161.595.000	0	100%
2	Giảm cấp phát, thanh toán (chỉ sai chế độ)	573.111.000	0	0	573.111.000	0	100%
D	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN	11.183.744.469	0	0	11.144.838.000	38.906.469	99,7%
4	Các khoản khác	11.183.744.469	0	0	11.144.838.000	38.906.469	99,7%
F	Các khoản chi không thuộc NSNN	201.515.000	-	-	201.515.000	-	100%
3	Các khoản phải nộp khác	201.515.000	-	-	201.515.000	-	100%

UBND TỈNH HÀ NAM

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIỂM NGHỊ KIỂM TOÁN TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2011 (THỰC HIỆN ĐẾN T6/2018)

(Kèm theo thông báo số 3/TTB-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Mã số thuế	Tổng số	Tổng cộng các khoản thuế	Chi tiết các khoản thuế										Thu khác	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT
					GTGT	TNDN	XNK	TTDB	Nhà đất	TNCN	Tài nguyên	Thu khác về thuế	Thu tiền sử dụng đất	Phí, lệ phí				
1	2	3	4=5+6+7+8+9	5=5.1+...+5.8	5.1	5.2	5.3	5.4	5.5	5.6	5.7	5.8	6	7	8	9	10	11
	Số KTNN kiến nghị (1)		2.355.500.062	683.356.062	683.356.062									40.000.000				
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)		0	0	0									0				
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)		0	0	0									0				
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)		2.355.500.062	683.356.062	683.356.062									40.000.000				
	Số thực hiện của đơn vị (5)		149.000.000	149.000.000	149.000.000									0				
	Số chưa thực hiện (6=4-5)		2.206.500.062	534.356.062	534.356.062									40.000.000				
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%		6,3%	21,8%	21,8%									0%				
1	Huyện Lý Nhân (Chi cục Thuế)																	
	Số KTNN kiến nghị (1)		330.900.000	330.900.000	330.900.000													
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)		-	-	-													
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)		-	-	-													
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)		330.900.000	330.900.000	330.900.000													
	Số thực hiện của đơn vị (5)		149.000.000	149.000.000	149.000.000													
	Số chưa thực hiện (6=4-5)		181.900.000	181.900.000	181.900.000													
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%		45,0%	45,0%	45,0%													
2	Thành phố Phủ Lý (Chi cục Thuế)																	
	Số KTNN kiến nghị (1)		352.456.062	352.456.062	352.456.062													
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)		-	-	-													
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)		-	-	-													
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)		352.456.062	352.456.062	352.456.062													
	Số thực hiện của đơn vị (5)		-	-	-													
	Số chưa thực hiện (6=4-5)		352.456.062	352.456.062	352.456.062													
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%		0,0%	0,0%	0,0%													
3	Huyện Bình Lục																	
	Số KTNN kiến nghị (1)		1.632.144.000	1.632.144.000	1.632.144.000									1.632.144.000				
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)		-	-	-													
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)		-	-	-													
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)		1.632.144.000	1.632.144.000	1.632.144.000									1.632.144.000				
	Số thực hiện của đơn vị (5)		-	-	-													
	Số chưa thực hiện (6=4-5)		1.632.144.000	1.632.144.000	1.632.144.000													
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%		0,0%	0,0%	0,0%									0,0%				
4	Sở Tài nguyên và Môi trường																	
	Số KTNN kiến nghị (1)		40.000.000	40.000.000	40.000.000									40.000.000				
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)		-	-	-													
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)		-	-	-													
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)		40.000.000	40.000.000	40.000.000									40.000.000				
	Số thực hiện của đơn vị (5)		-	-	-													
	Số chưa thực hiện (6=4-5)		40.000.000	40.000.000	40.000.000													
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%		0,0%	0,0%	0,0%									0,0%				

UBND TỈNH HÀ NAM

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIỂM NGHIỆM TOÁN GIÁM CHI ĐÀU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2011 (THỰC HIỆN ĐẾN T6/2018)

(Kèm theo thông báo số 16/TB-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giám dự toán, giám thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Các khoản giảm chi NSNN khác	Giảm giá trị trùng đầu
			4=5+...+8	5	6	7	8	9=10+...+13	10
	2	3=4+9							
	Số KTNN kiến nghị (1)	734.706.000	161.595.000			573.111.000			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0			0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0			0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	734.706.000	161.595.000			573.111.000			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	734.706.000	161.595.000			573.111.000			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0			0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%			100%			
1	BQLDA huyện Lý Nhân								
	Số KTNN kiến nghị (1)	573.111.000				573.111.000			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0			0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0			0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	573.111.000				573.111.000			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	573.111.000				573.111.000			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0				0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%			
2	BQLDA tại huyện Bình Lục								
	Số KTNN kiến nghị (1)	161.595.000	161.595.000						
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0			0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0			0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	161.595.000	161.595.000						
	Số thực hiện của đơn vị (5)	161.595.000	161.595.000						
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0			0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%						

UBND TỈNH HÀ NAM

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN XỬ LÝ NỢ ĐONG, VAY TẠM ỨNG
VÀ GHI THU - GHI CHI NĂM 2011 CỦA TỈNH HÀ NAM (THỰC HIỆN ĐẾN T6/2018)**

(Kèm theo thông báo số ~~26~~ TB-UBND ngày ~~17~~ tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN				
			Cộng	Thu hồi các khoản cho vay, tạm ứng sai quy định	Xử lý nộp NSNN các khoản tạm thu, tạm giữ đã quá hạn	Các khoản ghi thu - ghi chi qua NSNN	Các khoản khác
1	2	3=4+9	9=10+...+13	10	11	12	13
	Số KTNN kiến nghị (1)	11.183.744.469	11.183.744.469				11.183.744.469
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	11.183.744.469	11.183.744.469				11.183.744.469
	Số thực hiện của đơn vị (5)	11.144.838.000	11.144.838.000				11.144.838.000
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	38.906.469	38.906.469				38.906.469
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	99,7%	99,7%				99,7%
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh						
	Số KTNN kiến nghị (1)	38.906.469	38.906.469				38.906.469
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	38.906.469	38.906.469				38.906.469
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0				0
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	38.906.469	38.906.469				38.906.469
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%				0%
2	Thành phố Phủ Lý						
	Số KTNN kiến nghị (1)	3.028.638.000	3.028.638.000				3.028.638.000
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	3.028.638.000	3.028.638.000				3.028.638.000
	Số thực hiện của đơn vị (5)	3.028.638.000	3.028.638.000				3.028.638.000
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0				0
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%				100%
3	KT tổng hợp tại Sở Tài chính						
	Số KTNN kiến nghị (1)	8.116.200.000	8.116.200.000				8.116.200.000
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	8.116.200.000	8.116.200.000				8.116.200.000
	Số thực hiện của đơn vị (5)	8.116.200.000	8.116.200.000				8.116.200.000
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0				0
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%				100%

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN XỬ LÝ NỢ VÀ GIÁM CHI KHÁC
KHÔNG THUỘC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2011 CỦA TỈNH HÀ NAM (THỰC HIỆN ĐẾN 6/2018)**
(Kèm theo thông báo số **36** /TB-UBND ngày **17** tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Các khoản nợ khác						Các khoản giám chi khác				Kiến nghị xử lý khác		
			Cộng	Các quỹ ngoài ngân sách	Bổ sung kinh phí hoạt động	Nợ trả cấp trên	Khác	Cộng	Thu hồi hoàn trả cấp trên do xuất toán các khoản chi sai chế độ	Giám thanh toán của cấp trên do xuất toán các khoản chi sai chế độ	Khác	Cộng	Điều chỉnh quyết toán của các đơn vị dự toán	Các sai phạm khác	
1	2	3=4+9+13	4=5+...+8	5	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13=14+15	14	15	
	Số KTNN kiến nghị (1)	201.515.000	201.515.000	201.515.000											
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	0	0											
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	0	0											
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	201.515.000	201.515.000	201.515.000											
	Số thực hiện của đơn vị (5)	201.515.000	201.515.000	201.515.000											
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-	-	0											
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100,00%	100,00%											
1	Số Tài nguyên & Môi trường	-													
	Số KTNN kiến nghị (1)	201.515.000	201.515.000	201.515.000											
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	-	0											
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	-	0											
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	201.515.000	201.515.000	201.515.000											
	Số thực hiện của đơn vị (5)	201.515.000	201.515.000	201.515.000											
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-	-	0											
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%	100%											

Đơn vị tính: Đồng

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP TỤC THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM 2018 NIÊN ĐỘ 2009

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán	Số kiến nghị điều chỉnh giảm	Số kiến nghị điều chỉnh tăng	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
	NĂM 2009						
	Tổng cộng	19.095.148.056			8.914.791.313	10.180.356.743	46,7%
A	Các khoản tăng thu	573.312.204				573.312.204	0%
I	Tăng thu ngân sách	573.312.204				573.312.204	0%
1	Tăng thu thuế nội địa	573.312.204				573.312.204	0%
1.1	Thuế Giá trị gia tăng	573.312.204				573.312.204	0%
B	Các khoản giảm chi	142.849.689	0	0	0	142.849.689	0%
I	Giảm chi thường xuyên	142.849.689	0	0	0	142.849.689	0%
2	Giảm thanh toán, dự toán NSNN	142.849.689			0	142.849.689	0%
D	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN	18.111.089.463			8.646.894.613	9.464.194.850	47,7%
1	Thu hồi các khoản cho vay, tạm ứng sai quy định	6.413.000.000			0	6.413.000.000	0%
2	Xử lý nợ NSNN các khoản tạm thu, tạm giữ đã quá hạn	3.760.695.048			1.012.284.613	2.748.410.435	26,9%
3	Các khoản ghi thu - ghi chi qua NSNN	7.937.394.415			7.634.610.000	302.784.415	96,2%
G	Kiến nghị xử lý khác	267.896.700			267.896.700	0	100%

UBND TỈNH HÀ NAM

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ KIỂM TOÁN GIÁM CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2009 (THỰC HIỆN ĐẾN T6/2018)

(Kèm theo thông báo số **16** /TB-UBND ngày **17** tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	...	Kiến nghị xử lý tài chính khác
1	2	3=4+...+10	4	5	6,0	7	8	9	10
	Huyện Bình Lục								
	Số KTNN kiến nghị (1)	142.849.689				142.849.689			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0							
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0				0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	142.849.689				142.849.689			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0				0			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	142.849.689				142.849.689			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%				0%			

Đơn vị tính: Đồng

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN XỬ LÝ NỢ ĐONG, VAY TẠM ỨNG VÀ GHI THU - GHI CHI NĂM 2009 CỦA TỈNH HÀ NAM (THỰC HIỆN ĐẾN T6/2018)

(Kèm theo thông báo số 14/TB-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN				
			Cộng	Thu hồi các khoản cho vay, tạm ứng sai quy định	Xử lý nợ NSNN các khoản tạm thu, tạm giữ đã quá hạn	Các khoản ghi thu - ghi chi qua NSNN	Các khoản khác
1	2	3=4+9	9=10+...+13	10	11	12	13
	Số KTNN kiến nghị (1)	18.111.089.463	18.111.089.463	6.413.000.000	3.760.695.048	7.937.394.415	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	18.111.089.463	18.111.089.463	6.413.000.000	3.760.695.048	7.937.394.415	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	8.646.894.613	8.646.894.613	0	1.012.284.613	7.634.610.000	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	9.464.194.850	9.464.194.850	6.413.000.000	2.748.410.435	302.784.415	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	48%	48%	0%	27%	96,19%	
1	Kho Bạc Nhà nước Tỉnh						
	Số KTNN kiến nghị (1)	10.708.868.483	10.708.868.483		2.772.464.068	7.936.404.415	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0		0	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0		0	0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	10.708.868.483	10.708.868.483		2.772.464.068	7.936.404.415	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	7.657.673.633	7.657.673.633		24.053.633	7.633.620.000	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	3.051.194.850	3.051.194.850		2.748.410.435	302.784.415	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	72%	72%		1%	96%	
1.1	Huyện Bình Lục						
	Số KTNN kiến nghị (1)	444.890.000	444.890.000			444.890.000	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0			0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0			0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	444.890.000	444.890.000			444.890.000	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	444.890.000	444.890.000			444.890.000	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0			0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%			100%	
*	Xã Vũ Bản						
	Số KTNN kiến nghị (1)	444.890.000	444.890.000			444.890.000	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0			0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0			0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	444.890.000	444.890.000			444.890.000	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	444.890.000	444.890.000			444.890.000	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0			0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%			100%	
1.2	Huyện Duy Tiên						
	Số KTNN kiến nghị (1)	10.092.129.483	10.092.129.483		2.772.464.068	7.491.514.415	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0			0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0			0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	10.092.129.483	10.092.129.483		2.772.464.068	7.491.514.415	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	7.212.783.633	7.212.783.633		24.053.633	7.188.730.000	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	2.879.345.850	2.879.345.850		2.748.410.435	302.784.415	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	71%	71%		1%	96%	
*	Xã Duy Minh						
	Số KTNN kiến nghị (1)	668.633	668.633		668.633		
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0			0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0			0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	668.633	668.633		668.633		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	668.633	668.633		668.633		
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0			0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%		100%		
2	Huyện Thanh Liêm						
	Số KTNN kiến nghị (1)	969.220.980	969.220.980		968.230.980	990.000	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0		0	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0		0	0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	969.220.980	969.220.980		968.230.980	990.000	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	969.220.980	969.220.980		968.230.980	990.000	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0		0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%		100%	100%	
3	Huyện Lý Nhân						
	Số KTNN kiến nghị (1)	20.000.000	20.000.000		20.000.000		
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0		0	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0		0	0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	20.000.000	20.000.000		20.000.000		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	20.000.000	20.000.000		20.000.000		
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0		0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%		100%		
4	Thành phố Phủ Lý (Chưa ghi theo KNKT)						
	Số KTNN kiến nghị (1)	6.413.000.000	6.413.000.000	6.413.000.000			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0	0		0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0	0		0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	6.413.000.000	6.413.000.000	6.413.000.000		0	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0	0		0	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	6.413.000.000	6.413.000.000	6.413.000.000		0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%	0%		0%	

UBND TỈNH HÀ NAM

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN XỬ LÝ NỢ VÀ GIÁM CHI KHÁC KHÔNG THUỘC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2009 CỦA TỈNH HÀ NAM (THỰC HIỆN ĐẾN T6/2018)

(Kèm theo thông báo số 26 /TB-UBND ngày 2 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Các khoản nợ khác	Kiến nghị xử lý khác		
				Cộng	Điều chỉnh quyết toán của các đơn vị dự toán	Các sai sót, sai phạm khác
1	2	3=4+9+13	8	13=14+15	14	15
	Số kiến nghị kiểm toán	267.896.700		267.896.700	267.896.700	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm	0		0	0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng để đơn vị kiểm toán thực hiện	267.896.700		267.896.700	267.896.700	
	Số thực hiện của đơn vị	267.896.700		267.896.700	267.896.700	
	Số chưa thực hiện	0		0	0	
	Tỷ lệ thực hiện	100%		100%	100%	
1	Huyện Lý Nhân					
	Số kiến nghị kiểm toán (1)	267.896.700		267.896.700	267.896.700	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0		0		
	Số kiến nghị đủ bằng chứng để đơn vị kiểm toán thực hiện (3)=(1)-(2)	267.896.700		267.896.700	267.896.700	
	Số thực hiện của đơn vị (4)	267.896.700		267.896.700	267.896.700	
	Số chưa thực hiện (5)=(3)-(4)	0		0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (6)=(4)/(3)	100%		100%	100%	